

THÀNH DUY THỨC LUẬN THUẬT KÝ

QUYỂN 7 (PHẦN ĐẦU)

Luận: “Đã nói hai mươi pháp”, đến “tướng của nó thế nào?”

Thuật rằng: Dưới đây phần thứ năm lấy nửa bài tụng để giải thích phần thứ sáu bất định tâm sở. Phần đầu tổng kết các điều trước và lấy đó làm lời mở đầu Luận. Phần sau nêu tụng ra đáp. Đây là phần đầu.

Luận: “Tụng nói rằng”, đến “hai pháp tâm tứ mỗi đều có hai”.

Thuật rằng: Câu đầu nêu tên gọi chung của vị, câu sau nêu từng tên riêng, bốn chữ sau “mỗi đều có hai” là hiển nghĩa bất định.

Luận: “Nói rằng”, đến “đều là bất định”.

Thuật rằng: Văn trong Trường hàng có hai đoạn, đoạn thứ nhất giải thích tụng, đoạn thứ hai phân rõ nghĩa. Trong giải thích có ba phần:

1. Giải thích bất định được tên.
2. Giải thích riêng thể.
3. Giải thích bốn chữ mỗi đều có hai.

Hiện tại chỗ nêu của Luận này là phần thứ nhất, đối với thiện và nhiễm đều bất định. Một là giải thích là hiển nghĩa bất định, cõi này tánh và thức đều bất định; hai là giải thích lựa riêng với tín và tham ở trước, ở đây thông ba tánh, vì tánh bất định. Loại của nó không phải một cho nên nói “vân vân”. Nếu như thế thì đáng lẽ thuộc về Biến hành?

Luận: “Không phải như xúc... định khắp tâm”.

Thuật rằng: Đối với năm thức, Thức thứ bảy, Thức thứ tám và hai cõi trên, vì toàn phần nhiều là không có. Ở đây nêu xúc ra trước, vì nó có tác dụng trước. Như trước đã nói. Đã là bất định nhiễm và thiện, không khắp tất cả tâm thì đáng lẽ là biệt cảnh?

Luận: “Không phải như dục, định khắp các Địa, cho nên lập tên bất định”.

Thuật rằng: Cõi này câu thúc trói buộc, cũng không phải khắp Vô lậu. Ở đây chỉ nêu ra Địa, cho nên không phải biệt cảnh, do không đồng năm vị pháp ở trước mà lập tên bất định.

Luận: “Hối là ác tác”, đến “truy hối làm tánh”.

Thuật rằng: Từ đây xuống phần thứ hai riêng giải thích làm hai phần, phần đầu giải thích hối và miên, phần sau giải thích tầm và tứ. Trong mỗi phần lại có hai phần, phần đầu là riêng, phần sau là chung. Riêng tức là là hai. Hối gọi là ác tác, vì thể tức là nhân, tức là ác tác các Luận nói. Ác tác không phải hối, thể tánh của hối hay truy tìm hối, như vẫn có thể biết. Thể của ác tác lấy gì làm tánh? Ác là ganh ghét, tức là chán ghét nghiệp đã tạo, các nghiệp đã tạo khởi thì tâm chán ghét, sau đó truy tìm hối tiếc mới là tánh của hối. Nếu sở tác là ác, gọi là ác tác, đã là thể của hối thì chỉ có thiện, vì chỉ có hối tiếc các ác sự, nếu chán ghét thể sở tác thì lẽ nào không phải hối? Nói là nhân của hối, hoặc sở tác của ác trước mới sinh hối. Ác tác không phải, vậy thể của nó là gì? Nghĩa này nên suy nghĩ. Trong đây cũng có giải thích, đó chỉ là yếm. Nếu như thế thì yếm đáng lẽ thông ba tánh, tại sao chỉ có thiện? Tông này không đúng. Sư Tát-bà-đa Chánh Lý Luận nói thể của yếm chỉ có thiện, hoặc đồng với Luận kia thì có phương hại như trước. Có nói rằng yếm là kiểm sát, tâm và tâm sở không có riêng thể tánh. Yếm của Đại thừa thì thông ba tánh, nghĩa thì không trái nhau. Nếu như thế thì yếm của thiện, nhiễm và Vô ký đều nương pháp gì mà lập? Trước quyển 6 ghi: “Yếm trong thiện thì không có một phần tham, cứ theo theo đó thì thể của yếm và nhiễm tức là sân”. Do tắng và khuể, cho nên nó mới chán thiện. Có ác pháp trên hân là tham, ác pháp dưới yếm cũng là sân phần. Nếu như thế thì yếm của Vô ký pháp gì kiến lập? Tức là Vô ký dục. Đối với sự sở tác tuy không sinh ra dục, đối với bất tác này cũng sinh ra dục cho nên gọi là yếm. Như tín và bất tín chỉ có thiện và nhiễm mà không có Vô ký. Vô ký tín tức là dục và thắng giải thì ở đây cũng đáng lẽ như thế. Nhân của hối tức là hai pháp Yếm và Dục trước. Nhưng nói ác tác thông ba tánh là từ quả mà nói, vì hối thông ba tánh. Hoặc có giải thích rằng: “Sở tác là cảnh, nhưng sở tác của hiềm và ác là nghĩa hối ác. Hiện tại nói tác, là sự sở tác hay sinh ra hối ác, vì nói ác tác là nói thông với cảnh của nó. Tóm lại ác tác là nhân của hối, thật ra ố tức là hối. Lại nữa, giải thích ác tác thiện là quý, vì chống cự việc ác. Bất thiện là vô tầm, vì không đoái nhìn lại hiền thiện. Vô ký là tuệ, vì oai nghi và công xảo là chỗ nhiếp của tuệ. Lại nữa, giải thích ba tánh đồng thời với thể là tuệ, vì để chọn lựa suy lường sự sở tác, nói rằng trước hết là sở tác, sau đó mới là truy hối, nhưng do cảnh cho nên tâm mới được sinh.

Luận: “Chướng Xa-ma-tha làm nghiệp”.

Thuật rằng: Không phải là tướng Xa-ma-tha trong năm Cái, vì tướng Xa-ma-tha thông với định. Hiện tại Luận này nói Xa-ma-tha, tức là Xa-ma-tha, hay tâm đình chỉ, không phải khiến cho đình chỉ các pháp dưới.

Luận: “Đây là đối với quả”, đến “sau mới truy hồi”.

Thuật rằng: Ác tác là nhân, thể của hồi là quả. Hồi gọi là ác tác, từ nhân mà đặt tên. Trước hết đem sở tác của ác mà hiển nhân của nó, sau đó mới truy hồi để hiểu rõ quả của nó, như trước đã giải thích.

Luận: “Hồi trước bất tác”, đến “là ngã ác tác”.

Thuật rằng: Đây là hiển duyên không có cũng sinh ác tác. Nói sở tác, không phải chủ yếu là hồi có trước sự rồi sau đó mới làm gọi là ác tác. Hồi trước bất tác cũng là ác tác. Như truy hồi nói: “Ta trước kia không làm sự nghiệp như vậy là ta làm ác, sự như vậy là ác biên tác của ta”. Tác là thi thố, là ta thi thố ác sự này. Thói quen cho rằng tác và thô là một thể mà tên gọi khác. Du-già quyển 11 nói rộng đồng với đây. Hiền Dương quyển 1 ghi: “Đối với việc đã làm và việc chưa làm mà truy tìm quyển luyến làm thể thì chướng nghiệp, cũng chướng Xa-ma-tha”, chính là đồng với Luận này.

Luận: “Miên là thù miên”, đến “mê mờ, khinh suất làm tánh”.

Thuật rằng: Vì tên gọi đơn này (miên) là tên gọi kép (thùy miên) của các giáo. Pháp này khiến cho thân không tự tại, vì ngồi cũng ngủ, cho đến người khác lay động cũng không hay thức dậy. Pháp này khiến cho tâm cực ám muội và khinh suất làm tánh. Mê ám rất trầm trọng.

Luận: “Chướng quán làm nghiệp”.

Thuật rằng: Tức là Tỳ-bát-xá-na. Đây là riêng chướng quán, không phải như trong năm Cái có thể chướng đối với cử. Cử thông với định và tuệ khiến cho tâm cao. Hiền Dương đồng với đây.

Luận: “Nói rằng thù miên vị”, đến “một môn chuyển”.

Thuật rằng: Giải thích không tự tại trên, là thân không tự tại, vì chế phục không tự chuyển cho nên tâm không tự tại. Tâm cực ám bị yếu thì một môn chuyển, là chỉ có một Ý thức không có năm thức. Vì ám chuyển yếu cho nên là lúc vô minh hết, là riêng các tâm khác cũng có năm thức, vì có ám yếu là lúc vô minh hết.

Luận: “Muội lựa riêng trong định”, đến “không phải thể dụng của vô minh”.

Thuật rằng: Tuy chuyên chú vi tế, nhưng cùng với định không đồng. Đây là chỉ có muội, cho nên muội lựa riêng trong định. Ngoài ra tán tâm tuy có ám nhưng không khinh suất, vì cũng trầm trọng. Muội

khác với khi ngủ, vì khi ngủ thì rộng hơn. Du-già quyển 11 ghi: “Mê mờ khinh suất làm tánh”. Nhưng trong Thế tục thì nói: “Các ông đang ngủ, khi vô tâm cũng gọi là là miên, hoặc lại có nghĩa cũng sợ sự Kinh bộ trên nhóm chung và riêng mà giả lập, cho nên bố trí khiến cho nói. Nói rằng có thể cho nên mới có khiến cho thân không tự tại các dụng, để hiển thù miên không phải không có thể dụng.

Luận: “Có vô tâm vị”, đến “tâm tương ứng”.

Thuật rằng: Thế gian và Thánh giáo có đối với vị của vô tâm, cũng gọi là thù miên, đây là giả lập. Như Luận nói vô tâm thù miên, chính là điều này. Do chỗ dẫn của miên tự như khi khởi thù miên, cho nên cũng gọi là miên. Làm sao biết thù miên riêng có? Không phải là vô tâm như năm Cái. Năm Cái chắc chắn là pháp tâm sở, không phải là pháp không có thể. Nói năm Cái là:

1. Tham dục cái.
2. Sân khuể cái.
3. Hôn trầm thù miên cái.
4. Trạo cử ác tác cái.
5. Nghi cái.

Che lập tâm khiến cho thiện không chuyển được là nghĩa của Cái. Do tham cảnh giới chướng ưa thích xuất gia, do sân ngăn phạm chướng giác chánh hạnh, do hôn trầm và thù miên chướng chỉ dẫn sinh chìm đắm, do trạo cử và hối chướng cử dẫn sinh tán loạn, do nghi không quyết định chướng xả vị. Đây là tổng ba vị của năm Cái chướng. Ban đầu là thích xuất gia, kế đó là tu chánh hạnh, sau đó là nhập chánh định, tu chỉ, cử và xả, lần lượt như vậy mà làm chướng ngại. Hoặc nói nhân duyên Cái cho nên cũng gọi là Cái, không phải là tâm sở, đáng lẽ như những thứ triền phược khác, vì chỉ có tâm sở. Triền có tám thứ:

1. Hôn trầm.
2. Thù miên.
3. Trạo cử.
4. Ác tác.
5. Tật.
6. Xan.
7. Vô tâm.
8. Vô quý.

Niệm niệm tăng trưởng thì trói buộc quấy nhiễu tâm, đối với tu thiện phẩm thì có thể làm chướng. Hai loại đầu chướng chỉ, hai món kế chướng cử, tật và xan chướng xả. Đối với tự lợi và lợi tha, niệm trong

môn keo lận và tạt đổ động tâm, chướng xả trong Cái so với đây không đồng. Luận kia phỏng theo định tâm không phải chỉ, không phải nêu ra bình đẳng gọi là xả. Nghi có thể chướng chỉ, đây là nương và hai lợi bình đẳng mà gọi là xả, không có lỗi tương vi. Vô tâm và vô quý chướng tu Thi-la, người có đủ hai pháp này thì phạm các giác xứ, không có hổ thẹn, cho nên Cái và triển này không tăng không giảm.

Luận: “Có nghĩa hai pháp này”, đến “là si phần”.

Thuật rằng: Dưới đây tổng giải thích hai món, có bốn thuyết. Đây là thuyết của sư thứ nhất, không có riêng thể, thể tức là si. Lấy gì để biết? Du-già quyển 55 ghi: “Là Tùy phiền não và gồm cả si phần”. Luận Đối Pháp cũng nói như thế. Nói thông ba tánh, là tùy theo tụ của nó có bao nhiêu tâm và tâm sở làm thể, cho nên thông ba tánh. Si chỉ có trong nhiễm.

Luận: “Có nghĩa không đúng”, đến “và thuộc về si phần”.

Thuật rằng: Phần thứ hai cũng thông với thiện, hoặc chỉ có si. Trong thiện thế nào mới là tổng niệm của tâm tâm sở làm thể? Đáng lẽ nói hai nhiễm này lấy si làm thể, vì thiện tức là vô si, lập trái ngược nhau. Quyển 55 nói nghĩa bên cạnh của nhiễm phần kia là Tùy phiền não và là si phần nhiếp, cho nên Luận Đối Pháp nói thông với các thiện, để hiển không phải quyết định si phần, như Hiển Dương quyển 1 giải thích ác tác ghi: “Đối với thiện sự và bất thiện sự, hoặc nhiễm hoặc bất nhiễm truy tìm luyến tiếc làm thể”, không nói là Vô ký, vì đó là nói chung. Thiện và nhiễm là lấy si và vô si làm thể. Lại nữa, trong Vô ký là tổng niệm, cho nên nói thông với Vô ký.

Luận: “Có nghĩa thuyết này”, đến “tánh của vô si”.

Thuật rằng: Đoạn văn thứ ba dưới đây có bốn phần, có nghĩa không đúng. Vì Luận Đối Pháp và quyển 55, quyển 58 đều nói thông ba tánh. Tại sao nhiễm và tịnh đều nương biệt cảnh tâm sở? Vô ký của nó không có pháp nương riêng, mà nương tổng lập. Lại nữa, tánh của Vô ký không phải si và vô si, cho nên phải có riêng.

Luận: “Đáng lẽ nói ác tác”, đến “nghiệp sở tác”.

Thuật rằng: Hai pháp ác tác tư và tuệ làm thể. Tại sao lấy tuệ và tư làm tánh? Vì hiểu biết rõ sở tác cho nên lấy tuệ làm thể, vì chọn lựa sở tác cho nên lấy tư làm thể. Không lấy các pháp khác vì công năng yếu kém.

Luận: “Thùy miên hợp chung với dụng”, đến “tướng của cảnh mộng”.

Thuật rằng: Hai pháp thùy miên và tướng làm thể. Tại sao như

thế? Các thứ cảnh mộng của tư và tưởng, do đây cũng có nương trên các pháp khác mà lập. Lấy gì để biết hai pháp này mỗi mỗi đều nương riêng? Do hai pháp này không có riêng thể. Một là dùng lý để biết, như trước đã nói. Hai là dùng giáo để biết, cho nên biết riêng thể.

Luận: “Luận đều nói làm”, đến “nói làm si phần”.

Thuật rằng: Du-già quyển 55 ghi: “Hai pháp này là Thế tục hữu, tự tánh giả có, nó nương trên phần tánh nhiễm ô cùng với si tướng tự, là Đẳng lưu của si. Như bất tín tuy riêng có nhưng vẫn nói tha phần, tức là tổng hợp Luận nói là si phần cho nên Thế tục có. Luận Hiển Dương ghi: “Mộng lấy hai pháp dục và tưởng làm thể”. Luận đó nói là tăng thượng, Luận này nói là khắp tâm, vì không phải các mộng tâm đều có dục.

Luận: “Có nghĩa Luận kia nói”, đến “triền phược tánh kia”.

Thuật rằng: Thứ tư dưới đây, vẫn lại có ba nghĩa. Nghĩa trên không đúng, vì không phải tư, tuệ và tưởng trói buộc tánh của nó. Đây là hợp chung làm nhân, có hai phần để phá.

1. Phần đầu phá cõi Dục nhiễm một phần tư và tuệ làm hối, nhiễm một phần tư và tưởng làm miên, không phải là trói buộc tánh, vì là tư, tuệ và tưởng, như các tư, tuệ và tưởng khác, tức là toàn hai cõi, và một phần cõi Dục tịnh Vô ký, hoặc như các nhiễm tư khác, nghĩa là trừ miên và hối ra, còn lại cõi Dục nhiễm và hai cõi trên nhiễm đều không phải là triền phược. Đây là phá nhiễm phần làm triền phược.

2. Phần thứ hai là phá cõi Dục tịnh Vô ký một phần tư và tuệ làm tác ý của nó. Một phần tư và tưởng làm thể miên của nó. Tổng vấn nạn rằng: Làm một phần của ác tác không phải nhiễm tư, tuệ và tưởng, không phải tánh hai pháp ác tác của nó, vì là tư, tuệ và tưởng, như tư, tuệ và tưởng khác của các cõi trên. Lượng này căn cứ theo văn có đầy đủ tông, nắm lấy tư, tuệ và tánh hữu pháp trong tông là nhân cũng được. Lại nữa, giải thích rằng, nhiễm hối và miên của ông đáng lẽ không phải là tư, tuệ và tưởng, vì là tánh triền phược, như vô tâm. Thể của tịnh Vô ký, hối và miên đã thành phi tưởng, được làm đồng dụ, vì nhân minh thừa nhận. Nhưng hữu pháp của tông trong đoạn văn này, nói rằng không phải tư, tuệ và tưởng cùng với nhân đầy đủ như trong văn. Giải thích chính có thể tương thuận tổng hợp làm lượng.

Luận: “Đáng lẽ nói hai pháp này”, đến “gọi là Thế tục hữu”.

Thuật rằng: Đây là hiển chánh nghĩa, mỗi pháp đều riêng có thể. Ác tác là tánh của hối, là chỗ không có của pháp khác. Luận Du-già ghi: “Thế tục hữu, là nói si phần”. Tùy theo si tướng mà nói là Thế tục hữu, như hôn trầm... gọi là si phần, nghĩa như trước đã nói.

Luận: “Tâm gọi là là tìm cầu”, đến “tế chuyển làm tánh”.

Thuật rằng: Hai hành tướng đồng cho nên hiển rõ một xứ. Tâm gọi là tìm cầu, tức là tìm cầu phân biệt trong bầy phân biệt, vì tên gọi đơn tức là tên gọi kép. Sau đây cứ theo đó nên biết. Khiến cho tâm chợt vội chợt gấp, vội vàng cấp bách, ý nói là cảnh, ý tức là Ý thức, vì duyên khắp. Điều này có ba giải thích:

1. Từ thí dụ, tức là Ý thức và pháp tương ứng, có thể nắm lấy cảnh, cùng với ngôn thuyết cũng tương tự.

2. Từ cảnh, ngôn thuyết là tánh của âm thanh, ngôn thuyết này làm tánh mà ý nắm lấy. Từ ngôn thuyết thành danh, chỉ gọi là ý ngôn.

3. Từ quả, ý có thể khởi ngôn thuyết, cho nên gọi là ý ngôn. Cảnh mà ý nắm lấy thì gọi là ý ngôn cảnh, cũng thông với tất cả pháp tâm sở. Nhưng ý là chủ thù thắng cho nên nói thiên về nó. Hiện tại cảnh ở đây thông với tất cả pháp. Đại Luận quyển 5 ghi: “Duyên cảnh danh, cũng là tìm cầu nghĩa danh của ngôn thuyết để làm sở duyên. Nhưng trong đây chỉ nêu cảnh của ý ngôn nhiếp pháp thì trùm khắp hết, không nói danh của ngôn thuyết. Luận đó nhiếp pháp có chỗ chưa đến, gọi là không có điều kiện và như Niết-bàn, có thể biết điều đó trong tứ.

Luận: “Hai pháp này đều lấy”, đến “sở y làm nghiệp”.

Thuật rằng: Thân tâm nếu an thì chậm chạp làm nghiệp, thân tâm bất an thì cấp bách làm nghiệp, đều thông với tư và tuệ. Tư gọi là an, vì chậm chạp mà vi tế, tánh của tư lương. Tuệ gọi là bất an, vì cấp bách mà thô, tánh của giản trạch. Thân tâm trước và sau có an và bất an đều nương tâm tứ, cho nên gọi là sở y.

Luận: “Gồm dụng tư và tuệ”, đến “nghĩa loại khác nhau”.

Thuật rằng: Không suy lường sâu gọi là tầm, suy lường sâu là tứ. Hiển Dương và Luận Ngũ Uẩn đều nói là ý ngôn cảnh. Đại Luận quyển 5 nói là cảnh của danh thân. Lại nữa, không suy lường sâu gọi là tư, suy lường sâu gọi là tuệ, ở đây có hai nghĩa:

1. Nói tư hoàn toàn không suy độ, gọi là không suy lường sâu, không phải là suy lường vi tế, ngược lại là nghĩa của tuệ. Luận Đối Pháp nói là không có suy lường.

2. Tư tuy không giống như tuệ có suy lường sâu, cũng là suy độ cạn cợt, quyển 5 trước đã nói, trong chỗ chứng Địa thứ bảy thì không có tầm và tứ, vì nói suy lường sâu cạn. Luận Đối Pháp ghi: “Không suy lường vì không có suy lường sâu”. Nhưng Luận Đối Pháp hợp với đây. Thứ lớp như vậy, tức là điên đảo trái ngược thứ tự, không phải lỗi tương vi này.

Luận: “Hoặc lìa tư và tuệ”, đến “vì bất khả đắc”.

Thuật rằng: Tâm và tứ lìa hai thứ tư và tuệ, hoặc thể hoặc dụng, loại và biệt không có, tức là như Đại Luận quyển 5, quyển 55, quyển 58, cùng với Hiển Dương, Luận Đối Pháp, Ngũ Uẩn đều đồng.

Luận: “Hai pháp này mỗi đều có hai”, đến “hai loại sai biệt”.

Thuật rằng: Từ đây xuống phần thứ ba giải thích hai pháp mỗi mỗi đều có hai loại. Tâm và tứ nói sau, vì hành tướng đồng. Tâm và tứ là hai pháp đầu, nhiệm và tịnh là hai pháp sau, văn dễ có thể biết.

Luận: “Có nghĩa giải thích này”, đến “triền và tùy miên”.

Thuật rằng: Phần đầu phá sự trước, kể đó mở nghĩa của nó để phá tha có thể biết. Mở chánh nghĩa, là trước đến nay tham... phẫn... có phiền não và tùy phiền não như vậy. Đây là hai pháp đầu, dưới đây giải thích hai pháp sau, mỗi mỗi đều có hai tánh Bất thiện và Vô ký. Lại nữa, giải thích hoặc hai pháp này mỗi mỗi đều có hai thứ hiện hành triền và chủng tử tùy miên.

Luận: “Có nghĩa giải thích của Luận kia”, đến “hai là tâm và tứ”.

Thuật rằng: Sự thứ ba An Tuệ cho rằng thuyết trước không đúng, sau bốn bất định mới có. Hai pháp này mỗi mỗi đều có hai câu, không phải giải thích pháp nhiệm trước. Đáng lẽ phải nói một và hai phần đầu, để hiển hai pháp chủng và hai loại khác nhau, một hối và miên chủng có hai loại và biệt, hai chủng tâm và tứ có hai loại khác nhau. Làm sao để biết được? Tiếng Phạm là Đặc-phước-viêm và Đặc-phước-duệ khác nhau. Đặc-phước-viêm đó chỉ gọi là hai, tức là điều kiện một chủng có hai loại khác nhau trong một danh thân. Nói khắp hết là hai, tức là một chủng có hai loại khác nhau. Hiện tại tiếng Phạm vốn nói Đặc-phước-duệ, tức là nghĩa điều kiện hai chủng có hai loại khác nhau trong hai danh thân, ở đây nói một chủng có hai loại khác nhau để hiển hai chủng có hai loại khác nhau, cùng với Đặc-phước-viêm ở trước khác nhau. Nếu không như thế thì có gì riêng khác? Một chủng có hai loại khác nhau là nói điều kiện hai chủng có hai loại khác nhau, vì thanh chuyển khác nhau.

Luận: “Hai hai chủng này”, đến “để hiển hai hai chủng”.

Thuật rằng: Do lý này cho nên câu nói một hai để hiển hai chủng hai loại khác nhau. Hai hai này như văn sau đây có thể biết. Tại sao gọi là hai hai? Vì hai chủng loại này mỗi thứ đều khác nhau.

Hỏi: Tại sao mỗi mỗi đều riêng khác?

1. Trói buộc và cõi chủng loại khác nhau.

2. Y tư tuệ chủng loại khác nhau.
3. Giả thật chủng loại khác nhau.
4. Đoạn thời chủng loại khác nhau.
5. Thượng địa khởi bất khởi chủng loại khác nhau.
6. Chi phi chi chủng loại khác nhau.
7. Triền cái tánh chủng loại khác nhau.
8. Ngữ hạnh phi hạnh khác nhau.
9. Thông định tán khác nhau.
10. Thông Vô lậu loại khác nhau.

Do hai hai khác nhau này, lấy câu một hai để hiển hai chủng hai loại khác nhau. Đây là giải thích phần đầu trong tụng hai chữ “một” và “hai” đã xong. Phần thứ hai là hai.

Luận: “Đây là mỗi đều có hai”, đến “tùy phiền não”.

Thuật rằng: Nói rằng đây là mỗi mỗi đều có hai, một là nhiễm hai là bất nhiễm. Nói rằng bốn pháp này mỗi pháp đều có nhiễm và bất nhiễm. Hai pháp Vô ký của nó thì tùy khi thích ứng phối hợp. Tại sao đặt lại câu nói này? Vì không phải như thiện và nhiễm trước, vì mỗi mỗi đều chỉ có một tánh không thông với thiện và nhiễm. Lại nữa, giải thích câu nói này chỉ là lựa riêng với nhiễm, vì Luận Du-già quyển 55 nói là Tùy phiền não, sợ đồng với trước chỉ có nhiễm, cho nên đặt lại thông cả hai câu.

Luận: “Vì hiển nghĩa bất định”, đến “làm hữu dụng sâu xa”.

Thuật rằng: Phần thứ ba lại hiển tánh bất định, cho nên bố trí hai pháp trong đây mỗi mỗi đều có hai câu, cho nên hai câu này không phải giải thích chỗ phân rõ các pháp trước, làm hữu dụng sâu xa, vì có thể khác với trước. Từ đây xuống các môn phân biệt thứ hai, phần đầu có mười hai môn, phần sau căn cứ theo thông lệ mà chỉ ra phân biệt.

Luận: “Tâm và tứ trong bốn pháp”, đến “sở thuyết của Thánh”.

Thuật rằng: Thứ nhất giả và thật. Tâm và tứ là hai giả, quyển 55 quyết định nói giả.

Luận: “Hối miên có nghĩa”, đến “Thế tục hữu”.

Thuật rằng: Trong bốn thuyết trước, thuyết đầu là nghĩa của ba sư. Thứ nhất là giả, quyển 55 nói là Thế tục hữu.

Hỏi: Luận kia tại sao nói tâm và tứ nói là giả?

Đáp: Hai pháp này là nói Thế tục, chỗ đối lập riêng khác.

Luận: “Có nghĩa hai pháp này”, đến “quyết định là giả có”.

Thuật rằng: Dưới đây sư thứ hai, quyết định là thật. Tại sao biết? Quyển 55 chỉ nói tâm và tứ giả có, không nói hai pháp này là giả có,

cho nên biết là thật có. Nếu như thế thì câu nói nào là Thế tục hữu? Tùy theo tha tướng mà nói, vì nói làm si phần, không phải nói Thế tục liền hiển là giả, như hôn trầm. Như trước đã thành.

Luận: “Lại nữa, như nội chủng”, đến “Thế tục hữu”.

Thuật rằng: Dưới đây lấy ví dụ thành. Quyển 52 ghi: “Nội pháp chủng tử, là lựa riêng với hạt lúa hạt đậu. Thể của nó thật có, Luận kia nói Thế tục, chỉ có chỗ đối riêng khác, không phải nói Thế tục tất cả quyết định là giả. Nếu không như thế thì nội chủng liền bị lỗi giả có. Giả pháp như không có gì chẳng phải là nhân duyên, không phải lìa thức mà có thể như tâm tâm sở gọi là Thế tục, thể vẫn không phải giả. Nhiếp Luận của Thế Thân cũng có thuyết này, vì giả không phải nhân.

Luận: “Tâm tứ trong bốn pháp”, đến “thô tế khác nhau”.

Thuật rằng: Từ đây xuống phần thứ hai Tự tương ứng môn. Hai pháp tâm và tứ quyết định tự nó không đồng thời. Thể thì đồng thời với tư và tuệ, loại đều là sự suy lường, không thể đồng thể đồng dụng. Pháp thô tế trái nhau mà được đồng sinh, vì thô tế khác nhau, như thọ của cõi trên và cõi dưới.

Hỏi: Nếu hai pháp tâm tứ không được câu sinh thì Đại thừa nói có ba Địa, có tâm có tứ là thế nào? Vì khi khởi tứ thì đồng thời với tâm tâm sở, tức là cõi Dục hữu có tứ, không có Địa của tâm. Hoặc khi chỉ khởi tâm đồng thời với tâm thì đáng lẽ gọi là có tâm không có tứ hoặc đều không khởi đồng thời với tâm thì đáng lẽ gọi là không có Địa của tâm và tứ. Ba Địa của ông đáng lẽ đều không thành. Hai pháp không đồng thời khởi thì không có Địa này? Để đáp câu hỏi này tiếp theo Luận rằng.

Luận: “Nương vào tâm và tứ”, đến “cho nên không có tạp loạn”.

Thuật rằng: Đây là đồng với Du-già quyển 4 nói, quyển 56 cũng có văn này. Nương và hai pháp có tâm tứ có nhiễm, gọi là là tâm tứ địa, phỏng theo nhiễm để phân rõ lập ba Địa riêng khác, không nương vào hiện khởi, đây là lựa riêng cho đến sinh trong định thứ tư thừa nhận hiện khởi. Không nương vào chủng của nó, đây là lựa riêng cho đến sinh Phi tướng định, chủng cũng còn. Nương vào nhiễm có hay không mà nói ba Địa khác nhau, cho nên ba Địa này không có lỗi tạp loạn. Nhưng chiết phục nhiễm của tâm để nhập trung gian, có tứ không có tâm. Nếu không như thế thì cùng với cõi Dục không khác nhau. Khi cõi Dục không có tứ, vì nhiễm của tứ chưa lìa, như thân tại cõi Dục, tuy chưa lìa một phẩm dục hoặc nhiều phẩm, tác khởi Bất tịnh quán cũng chiết phục được tham dục. Sau đó xuất quán rồi, hoặc là thoái chuyển

hoặc không thoát chuyển. Nhiệm của tứ ở đây cũng như vậy. Sơ định và trung gian tuy đồng một trời buộc, phải chiết phục nhiệm của tứ mới đắc định có tứ mà không có Địa của tâm. Sau khi xuất quán, hoặc thoát chuyển hoặc bất thoát chuyển khởi đối với nhiệm của tâm, cũng không phải là một phẩm sơ định hoặc là nhiều nhiệm mới đắc định đó, vì chế phục ít, không phải vì là phẩm.

Vô lậu định của nó nương vào Địa này, và đã là pháp nhiệm ba Địa của nó, là loại này cho nên cũng gọi là Địa, nếu không như thế thì trở thành nhiếp pháp không tận, lại càng có giải thích khác nữa, như Xu Yếu giải thích.

Luận: “Đồng thời với trước hai pháp”, đến “nghĩa tương ứng lẫn nhau”.

Thuật rằng: Tâm và tứ cùng với hối và miên đều được tương ứng với hai pháp trước, và tự cùng với hai pháp sau được nghĩa tương ứng, vì hành tướng không trái nhau, nhưng không có bốn pháp một thời cùng nghĩa.

Luận: “Bốn pháp đều không cùng với”, đến “vì không phải năm pháp”.

Thuật rằng: Thứ ba thức tương ứng môn. Thức thứ bảy và Thức thứ tám như trước đã nói. Miên chỉ cùng với Thức thứ sáu đồng thời, không phải năm thức đồng thời. Tại sao vậy? Hai pháp này đều do sức mạnh của tư gia hạnh mới có thể khởi, không phải mặc tình tùy ý sinh. Đại Luận quyển 1 ghi: “Vì mộng ý không cộng nghiệp, ác tác mới khởi thì chắc chắn cùng với ưu căn tương ứng khởi”.

Luận: “Có nghĩa tâm tứ”, đến “vì có tâm tứ”.

Thuật rằng: Đây là sơ thứ nhất, hối miên tuy không có tranh cãi, hai pháp tâm tứ cũng năm thức đồng thời, cũng là Ý thức kia. Luận nói năm thức có tâm tứ, cuối quyển 56 cũng nói.

Hỏi: sinh định thứ hai hoặc sinh Địa trên, có nhãn... các thức của tâm tứ hiện tiền, tại sao Địa này không có tâm không có tứ? Nếu không hiện tiền thì tại sao nơi đó có các căn của sắc mà có thể lãnh thọ các cảnh giới của Địa đó?

Đáp: Vì Luận thuyết kia có tâm và tứ.

Luận: “Lại nữa, nói tâm tứ”, đến “gọi là năm thức”.

Thuật rằng: Đại Luận cuối quyển 5 ghi: “Tâm tứ tức là bảy phân biệt, là hữu tướng, vô tướng, mặc tình, tìm cầu, từ sát, nhiệm ô và bất nhiệm ô. Luận kia lấy hữu tướng làm đầu. Tạp Tập Luận cuối quyển 2 ghi: “Mặc tình phân biệt là năm thức, phân biệt sơ này là tại năm thức,

không phải thể của năm thức tức là phân biệt, trước đã lấy văn làm chứng, ở đây thì lấy lý trình bày. Mặc tình phân biệt thì năm thức đã có, cho nên biết năm thức của tâm và tứ không có”. Nhưng Nhiếp Luận quyển 1 phá sắc vật trong lòng của Thượng toạ bộ làm ý căn, thừa nhận năm thức có tự tánh, tuy không có văn tự tánh là tâm tứ. Luận Đối Pháp thì nói làm mặc tình phân biệt, cho nên biết năm thức cũng có tâm tứ, không phải nghĩa thẳng thông với Đại thừa và Tiểu thừa, cũng là trong lý.

Luận: “Có nghĩa tâm tứ”, đến “bất cộng pháp”.

Thuật rằng: Đây là sư thứ hai, văn có bốn phần:

1. Nêu tông.
2. Dẫn chứng.
3. Tổng hợp trái nghịch.
4. Tổng kết.

Đây là nêu tông. Chỉ ở tại Ý thức, dẫn chứng có ba Luận. Dẫn chứng thứ nhất, Đại Luận quyển 1 ghi: “Tâm câu phân biệt, từ sát phân biệt... bảy phân biệt, tổng cộng mười lăm loại ý bất cộng nghiệp”. Đại Luận quyển 5 ghi: “Bảy phân biệt là tâm và tứ sai biệt. Câu thứ nhất của họ là ý bất cộng, cho nên biết tâm tứ chỉ tại Ý thức.

Luận: “Lại nữa, nói tâm tứ”, đến “khổ lạc đồng thời”.

Thuật rằng: Dẫn chứng thứ hai, quyển 5 đó lại nói tâm tứ trong tương ứng, địa ngục thì tâm tứ chỉ là thích hạnh, xúc không phải ái nhiệm cảnh dẫn phát khổ, cùng với ưu đồng thời nhiều tâm nghiệp chuyển. Tâm và tứ của trời người phần nhiều là ưu, ít phần hỷ. Ban đầu trong Tĩnh lực chỗ có tâm tứ thì chỉ có hỷ thọ đồng thời, Luận kia mỗi mỗi đều khởi riêng. Hiện tại Luận này tổng thông với năm nẻo của trời người mà làm Luận. Lại nữa, văn kia nói: “Chỉ có ưu và hỷ hai pháp tương ứng”. Đã không từng nói cùng với khổ và lạc hai pháp câu khởi, cho nên biết năm thức quyết định không có tâm và tứ. Nếu như thế thì kia không nói xả, tâm và tứ đáng lẽ cũng không câu. Không nói khổ và lạc đồng thời, tức là nói năm thức quyết định không có tâm và tứ. Không nói xả thọ đồng thời, tâm và tứ đồng thời không có xả.

Luận: “Vì xả thọ khắp”, đến “cùng với khổ lạc đồng thời”.

Thuật rằng: xả thọ tương ứng khắp, Luận kia không đợi nói. Khổ và lạc không đồng thời khắp, duyên gì mà Luận này nói? Không nói có khổ lạc, cho nên biết năm thức không có.

Hỏi: Không nói Khổ đồng thời, tức là nói năm thức không có tâm tứ. Không nói cùng với lạc đồng thời thì Sơ định không có tâm và tứ?

Luận: “Tuy sơ Tĩnh lự”, đến “tổng nói tên của hỷ”.

Thuật rằng: Sơ định có ý lạc, nhưng không lìa hỷ, tức là nghĩa của một hỷ thọ nói là lạc. Như Luận Đối Pháp quyển 7, quyển 57, và Hiển Dương quyển 2 ghi: “Vì thiện này cho nên tổng nói tên của hỷ”, tức là nhiếp lạc kia, tâm tứ của cõi Dục, hỷ lạc của Địa dưới tại thức mỗi mỗi đều riêng khác, thể tánh lìa nhau tại sao không nói riêng?

Sư trước hỏi: Ông thuần thọ khổ xứ, khổ đó cùng với ý khổ đồng thời, duyên gì cũng không nói? Lẽ nào không nói tức là không phải khổ đồng thời?

Luận: “Tuy thuần khổ xứ”, đến “tổng nói là ưu”.

Thuật rằng: Khổ của ý địa kia cùng với ưu tương tự có phân biệt, tổng nói làm ưu tức là nhiếp khổ kia. Các ưu và khổ của nẻo khác mỗi mỗi đều tại một xứ. Thế lực không tương tự, duyên gì mà không nói? Đây tức là nghĩa của sư trong ý có khổ thọ.

Luận: “Lại nữa, nói tâm tứ”, đến “nghĩa làm cảnh”.

Thuật rằng: Đây là dẫn chứng thứ ba, quyển 5 đó ghi: “Hai pháp tâm tứ lấy danh thân đồng ba pháp, và nghĩa sở thuyên làm sở duyên, không phải năm thức lấy danh và nghĩa sở thuyên làm cảnh”. Từ giáo lý trên cho nên biết năm thức quyết định không có tâm tứ.

Luận: “Nhưng nói năm thức”, đến “không phải nói tương ứng của nó”.

Thuật rằng: Dưới đây tổng hợp các trái nghịch, có hai phần, đây là phần đầu. Quyển 56 ghi: “Năm thức có tâm tứ”, để hiển phần nhiều là do nó khởi, không phải nói tương ứng của nó, nghĩa là văn đó nói sinh tại định thứ hai trở lên, khởi thức cõi dưới, để hiển năm thức kia, hoặc trừ tâm chột hiện. Định do tâm tứ đồng thời năm thức dẫn phát mới có thể được sinh, không phải nói tâm tứ của năm thức đồng thời. Đây là hiển năm thức do Ý thức kia khởi. Hoặc tại cõi Dục, khi nhĩ thức trong định khinh suất khởi thì Ý thức cũng đồng duyên, không dựa vào tâm tứ đồng thời Ý dẫn sinh. Định của cõi trên cũng cùng với nhĩ thức của cõi dưới đồng thời khởi. Năm thức ngoài các thời khác phần nhiều đều do Ý thức của tâm đó dẫn, khởi năm thức của tự địa. Tâm tứ cũng thông với Sơ định hữu, hiển do nó khởi, phần nhiều do nó khởi. Hai thứ mỗi mỗi đều riêng, hợp chung lại làm một câu, để hiển do Luận kia nói. Chánh tổng hợp các văn Luận chỗ dẫn của sư trước, phần nhiều nói là do nó khởi. Các tổng hợp khác thì thiết lập có Sơ định trở xuống. Luận nói có văn của tâm tứ. Khi năm thức của cõi Dục khinh suất khởi, tuy Ý thức đồng duyên, nhưng chắc chắn không phải do ý dẫn, như nhĩ thức trong

định. Đại Mục-kiền-liên nhập định Vô sở hữu xứ, nghe tiếng voi kêu, lẽ nào Ý thức đó có tâm tứ chăng? Hoặc Tát-bà-đa sau khi định nghe âm thanh thì không có việc đó. Như trong quyển 5 có giải thích rộng. Nhị thiền trở lên, căn cứ theo cõi Dục cũng có năm thức khinh suất, không dựa vào Ý thức của tâm tứ dẫn sinh, vì cảnh chỉ cưỡng ép. Đăng lưu của nó quyết định do ý có tâm nhiễm và tịnh, hiện tại hợp chung lại Luận, cho nên nói phần nhiều do kia khởi nhân... các thức. Tự địa pháp khi khởi thì tự tại, tuy do ý dẫn năm thức mới sinh, Ý thức không cần thiết phải có tâm tứ đồng thời, phần nhiều do nó khởi. Sinh định thứ hai trở lên, khởi nhân... các thức, không phải pháp kia, cho nên giả mượn tâm tứ tương ứng Ý thức để dẫn đường mới sinh, định do đó mà khởi.

Luận: “Chỗ nói của Tạp Tập”, đến “tương ứng tâm tứ”.

Thuật rằng: Mặc tình phân biệt của Luận Đối Pháp quyển 2 gọi là năm thức, cùng với Đại Luận quyển 1 nói khác nhau. Luận Đối Pháp nói Mặc tình tức là năm thức, Đại Luận nói mặc tình là năm câu ý tương ứng tâm tứ tức là năm thức. Do lý này Đại Luận nói là ý bất cộng nghiệp, vì tâm tứ trong năm thức không có. Hoặc năm thức mặc tình tức là tâm tứ. Như thế nào là ý bất cộng nghiệp? Vì năm thức cũng có, chỉ nói tâm tứ có bảy phân biệt, không nói bảy phân biệt đều là tâm tứ cho nên không có lỗi. Lại nên như thế mà biết.

Hỏi: Tự tánh phân biệt, Nhiếp Luận ghi: “Có trong năm thức”. Luận Đối Pháp quyển 2 ghi: “Tự tánh là Tướng phần”. Có tướng tức là tâm tứ, cho nên biết có tướng tại nơi năm thức thì cũng không phải ý bất cộng, vì sao riêng khác?

Đáp: Nhiếp Luận kia tùy thuận lý môn mà nói năm thức, vì trong năm thức không có tâm tứ, Luận Đối Pháp thì nói tự tánh phân biệt thì có tướng nắm bắt không phải thuộc về mặc tình, cho nên biết năm thức không có tự tánh phân biệt. Lại nữa giải thích năm thức cũng có, vì để nhiếp Luận là chính. Tự tánh phân biệt cũng có hai thứ: một là năm thức, hai là Ý thức tương ứng tâm tứ. Vì Ý thức tương ứng tâm tứ cho nên Luận Đối Pháp nói tự tánh là có tướng, có tướng là ý bất cộng nghiệp. Tự tánh không phải chỗ nắm bắt của mặc tình, vì tức là năm thức. Nói năm thức có tự tánh phân biệt là không phải tâm tứ, cũng không có lỗi.

Luận: “Cho nên chỗ dẫn của nó”, đến “định không có tâm tứ”.

Thuật rằng: Tổng phản đối giáo trước làm chứng không thành kết rõ văn kia.

Hỏi: Do lý này cho nên tại sao năm thức tức là mặc tình, ý đồng thời với tâm tứ mới gọi là mặc tình?

Đáp: Ý câu phân biệt phần nhiều là khởi tâm tứ. Tâm tứ cưỡng ép cho nên lấy làm mặc tình. Năm thức không có pháp tương ứng phân biệt, thể của năm thức là Mặc tình phân biệt. Tự tánh cũng như thế.

Hỏi: Nếu như thế thì năm câu Ý không có tâm tứ tương ứng, không phải mặc tình?

Đáp: Nếu không có Mặc tình thì cũng lại có hại gì! Bảy phân biệt năm bất pháp không hết. Nếu không có năm câu tán ý không có tâm tứ thì Giải Thâm Mật và quyển 73 ghi: “Năm câu có một phân biệt Ý thức”. Điều này trái với các sự nghe âm thanh trong định. Bảy phân biệt đó, Luận Đối Pháp quyển 2, Du-già quyển 1, quyển 5, Nhiếp Luận và các môn khác nhau, như lý nên suy nghĩ. Đồng Biệt sao nói: “Tự tánh của nó nhiếp pháp bất đồng”, đều là như Biệt sao nói. Từ đây xuống là phần thứ tư năm Thọ câu và Bất câu môn.

Luận: “Có nghĩa ác tác”, đến “thông với Vô ký”.

Thuật rằng: Vì ác tác chỉ có thích hạnh chuyển, cho nên cùng với ưu căn tương ứng, không cùng với hỷ lạc tương ứng; vì thông với tánh Vô ký, cho nên cùng với xả căn tương ứng. Dưới đây Luận nói đối với Vô ký pháp cũng truy tìm hồi hận, cùng với xả đồng thời, vì không phải năm thức đồng thời cho nên không có khổ.

Hỏi: Nếu thiện và ác truy tìm hồi hận thì cũng thông với xả hay không?

Đáp: Không đúng. Ác tác cưỡng ép tư sinh thiện và ác, cùng với ưu chắc chắn đồng thời khởi. Hoặc Vô ký truy tìm hồi hận tức là tâm Vô ký oai nghi và công xảo đồng thời. Hoặc đối với thiện và nhiễm tương tục, ở giai vị chưa tương tục mới cùng với xả đồng thời, cho nên khi thiện và nhiễm đồng thời thì không có xả thọ. Xả thọ cũng thông với thích hạnh, nhưng không nhiều phân biệt cho nên gọi là xả, không phải không có thích hạnh, cho nên ác tác và thích hạnh được cùng với xả đồng thời, vì cưỡng ép tư sinh khởi. Không phải thiện và nhiễm xả có thể đồng thời, cùng với Tát-bà-đa khác nhau. Luận kia chỉ có ưu đồng thời cho nên lia dục và xả, đây là cùng với xả đồng thời, bậc Thánh cũng có. Giải thích này không đúng, vì trái với đoạn văn dưới đây. Đáng lẽ nói ác tác phần nhiều cùng với ưu căn tương ứng. Xả đồng thời khởi là đồng loại của nó. Hoặc Vô nhiễm và thiện thì Vô ký cũng không có, cũng lia dục và xả. Bậc Thánh khởi hồi thì chỉ là ác tác, không phải thể là hồi. Trong thiện là yếm, Vô ký tức là oai nghi và công xảo tuệ, vì ưu căn không có. Hồi lia dục và xả, lia dục và xả là hành tướng thô. Thế gian lia dục, nhưng chủng tử của nó cũng vẫn còn, Hữu lậu lia dục thì thoái chuyển và có

thể khởi, không giống như bậc Thánh là cũng đoạn chủng tử.

Luận: “Thùy miên, hỷ và ưu”, đến “trung dung chuyển”.

Thuật rằng: Thùy miên và Ý thức cõi Dục cùng với tất cả thọ tương ứng, vì hành tướng của thùy thông với hoan cho nên hỷ thọ đồng thời. Thông với thích cho nên ưu thọ đồng thời, trung dung cho nên xả thọ đồng thời. Như vậy thứ lớp phối hợp.

Luận: “Tâm, từ, ưu và hỷ”, đến “ý lạc đồng thời”.

Thuật rằng: Tâm tứ cùng với bốn thọ tương ứng, vì ý của Sơ định có lạc. Nhưng sư này nói, tâm tứ và năm thức không có thuần định nghĩa, vì không nói cùng với khổ cõi dục đồng thời với lạc. Nghĩa của sư, đây là Ý thức không có khổ.

Luận: “Có nghĩa bốn thọ này”, đến “ý khổ đồng thời”.

Thuật rằng: Sư thứ hai nói, bốn thọ này cũng là khổ thọ đồng thời, vì ý có khổ. Hối tăng trưởng đến ba thọ, miên tăng trưởng đến bốn thọ, chỗ cực khổ cũng có miên. Tâm tứ tăng trưởng đến năm thọ, đồng thời khởi với tâm tứ. Đại Luận quyển 5 không nói cùng với khổ và lạc đồng thời. Như trước đã tổng hợp nói. Đây thì căn cứ theo thật lý, kia thì phỏng theo biệt nghĩa.

Luận: “Bốn thọ đều cùng với”, đến “không trái nhau”.

Thuật rằng: Thứ năm là biệt cảnh tương ứng môn, đều là năm pháp được đồng thời, có thể duyên hành tướng và cảnh sở duyên, không trái nhau.

Luận: “Hối, miên chỉ cùng với”, đến “khinh an đồng thời”.

Thuật rằng: Từ đây xuống là cùng với Thiện câu môn thứ sáu. Hai pháp đầu chỉ cùng với mười thiện và dung chứa đồng thời, vì cõi dục không có khinh an. Trong thiện của quyển 6 trước, tuy có giải thích khác là có khinh an, nhưng không phải là chánh văn, cho nên hiện tại căn cứ theo thuyết sau. Giả sử thừa nhận khinh an cũng có cũng không thì cũng không phải định dẫn sinh. Tâm tứ đồng thời mười một thiện, vì tăng trưởng khinh an. Có người nói rằng, Tam Tạng nói: “Tây phương có hai thuyết”, một là Vị chí định có tâm tứ, không phải căn bản địa. Đó là không đúng, vì chi của tâm tứ không phải là Vị chí. Luận có thành văn nói rằng Sơ tịnh lự.

Luận: “Hối chỉ dung chứa cùng với”, đến “tham... vi tế”.

Thuật rằng: Từ đây xuống là mười phiền não câu môn thứ bảy. Dưới đây văn tà kiến, hối và tu định thì nói cùng với tà kiến đồng thời, cùng với sân đồng thời. Hối cũng cùng với tà kiến và sân đồng thời. Văn này chưa hết lý. Lại nữa trước thực hành bố thí sau truy hối hận,

là hối cùng với tham đồng thời. Có thuyết nói ngã là ý nào tác khởi sự này? Tức là phân biệt ngã kiến cũng cùng với hối đồng thời, hợp chung lại sân, tà kiến, tham, ngã kiến được đồng thời, trong phỏng theo tướng thô thì không được. Lại nữa giải thích không được đồng thời là cùng với hối gián đoạn khởi không phải tương ứng.

Hỏi: Phần... riêng một mình sinh, thừa nhận mạn... câu khởi. Ác tác riêng một mình khởi thì đáng lẽ cùng với tham... câu sinh?

Đáp: Phần của các phần... và các sân... nếu như vốn đã được tương ứng thì ác tác riêng có thể, không cùng với tham câu khởi.

Hỏi: Tại sao phần... mỗi mỗi đều riêng khởi vậy?

Đáp: Trong mười thiện của tự nó mỗi mỗi đều riêng khởi.

Luận: “Thuỳ miên, tâm và tứ”, đến “không trái nhau”.

Thuật rằng: ba pháp này cùng với Hoặc căn bản đều được câu khởi. Như Đại Luận quyển 1 trong nhiệm ô phân biệt nói. Giả sử truy hối đến ác tác mà tự trách khinh khi thì ác tác cũng không cùng với sân đồng thời, chỉ cùng với ác tác gián đoạn sinh, thật ra không câu khởi. Nếu nói đồng thời thì gián đoạn sinh gọi là câu. Ba pháp sau, mười thiện đều đồng thời. Sở duyên, hành tướng đều không trái nhau.

Luận: “Hối cùng với trung và đại”, đến “đều khởi pháp kia”.

Thuật rằng: Dưới đây là tùy hoặc câu chuyển môn thứ tám. Hối câu với trung tùy và đại tùy, biến khắp đồng thời với Bất thiện và nhiễm tâm, cùng với phần... mười tiểu tùy không được câu khởi, mỗi mỗi đều tự làm chủ, như phần... mười pháp tự không tương ứng. Miên... ba pháp cùng với hai mươi Tùy đều đồng thời. Trong mộng đều dung chứa được khởi phần... các pháp.

Luận: “Bốn pháp này đều thông”, đến “cũng truy hối”.

Thuật rằng: Đây là ba tánh môn thứ chín. Trong đó phần đầu là chung, phần sau là riêng. Bốn pháp đều thông ba tánh. Như quyển 55, quyển 58, và Luận Đối Pháp đồng nhau.

Hỏi: Trong đây ác tác tại sao thông với Vô ký?

Đáp: Vì đối với nghiệp Vô ký cũng truy hối hận. Đối với nghiệp Vô ký tuy bất định khởi hối của Vô ký, khởi hối của Vô ký thì chắc chắn là nương và nghiệp Vô ký.

Hỏi: Tại sao Hiển Dương quyển 1 nói ác tác nhiễm và bất nhiễm, thiện và Bất thiện mà không nói Vô ký?

Đáp: Vì Luận kia thuận với Tiểu thừa, phần nhiều khởi, chỉ nói là ưu câu.

Luận: “Có nghĩa hai pháp đầu”, đến “vì có tâm tứ”.

Thuật rằng: Dưới đây là phần thứ hai giải thích riêng Ba tánh môn. Hối và miên chỉ có sinh đặc thiện. Hành tướng của ác tác thô mà thể tánh thì xấu, Phương tiện thiện thể của nó chắc chắn là vi tế, là pháp thù thắng cho nên không thông với phương tiện. Thù miên thì mê muội sơ suất, cho nên không phải phương tiện khởi, do đó trong các vị văn và tư, tuy có khởi nhưng không phải là gia hạnh thiện, vì gia hạnh thiện gián đoạn khởi. Giả sử trong thù miên mà duyên nghĩa của pháp thì chỉ có sinh đặc thiện, không phải cưỡng ép tư sinh khởi. Mặc tình tùy ý khởi cho nên hai chủng tâm tứ thông với gia hạnh thiện. Đối với ba vị văn tư tu đều có tâm tứ. Văn sở thành là hiển các pháp được thành là do văn này. Hoặc chỉ nói văn tuệ thì nghĩa hẹp hơn.

Luận: “Có nghĩa hai pháp đầu”, đến “có hối và miên”.

Thuật rằng: Đối với các vị của văn và tư thì hối khởi các việc ác. Đối với vị của miên thì tư có nghĩa chọn lựa. Tiếp theo là nên phân rõ nhiệm, vì Tự hữu môn sau kiến đoạn và Tu đoạn cho nên không nói trước.

Luận: “Ba pháp sau đều thông”, đến “giải thích thô mạnh”.

Thuật rằng: nhiệm gọi là hữu phú. Tịnh gọi là Vô phú. Đối với hai Vô ký của nhiệm và tịnh thì miên... ba pháp đều thông, tức là hai kiến tu đạo của cõi Dục đều có miên, vì Sơ định có tâm tứ. Ác tác không phải nhiệm Vô ký, vì dùng để giải thích thô mạnh, không cùng với hai kiến đồng thời, nhiệm thì chắc chắn là Bất thiện.

Luận: “Trong bốn Vô ký”, đến “không phải định quả”.

Thuật rằng: Trong nhiệm Vô ký không có tướng riêng cho nên lược bỏ không nói. Trong bốn Vô ký của tịnh thì hối chỉ là hai pháp oai nghi và công xảo. Trong bốn Vô ký là hai trung tùy, nói rằng tâm Dị thực là thứ nhất, tâm Biến hóa là thứ tư, vì sau ác tác thì hành tướng thô mạnh, không cùng với nghiệp tâm Dị thực câu khởi, vì không phải định quả, cũng không nói cùng với tâm Biến hóa đồng thời. Đây là nói Dị thực có hai thứ: một là nghiệp quả, tức là chỗ nói trong đây; hai là pháp chấp, vì cũng thông với nhiệm. Luận này không nói nó. Trước nói nhiệm Vô ký không thông với ác tác, ngoài ra tâm Vô ký tuy không duyên oai nghi thì cũng là do đó nhiếp, không phải Dị thực sinh. Trong đây nói ác tác không thông với tánh Dị thực. Lại nữa, giải thích kia không duyên oai nghi, tâm pháp chấp đều là Dị thực Vô ký, cũng là ác tác đồng thời. Trong đó lại căn cứ theo nghiệp quả mà nói, nên xem lại các Luận, và các văn trong hai chương của Phật Địa.

Luận: “Miên trừ ra pháp thứ tư”, đến “cũng được miên”.

Thuật rằng: miên không phải câu với tâm Biến hóa, không phải định dẫn sinh, đồng thời với tăng trưởng tâm Dị thực. Trong miên cũng có trụ Dị thực. Dị thực này sinh tâm, không phải thật có Dị thực khác, tâm tứ cũng vậy, trái nhau vẫn trong quyển 3 và Thức thứ tám.

Luận: “Tâm tứ trừ ra pháp thứ nhất”, đến “nghĩa của các tên”.

Thuật rằng: Trừ tâm Dị thực ra, vì tâm Dị thực hiểu biết yếu kém, giải thích tên các pháp như tìm câu và từ sát, Đại Luận quyển 1 trong bảy phân biệt ghi: “Không nhiễm ô phân biệt, thức này có thiện, tịnh và Vô ký”. Thiện là tùy với thiện pháp của một tín... tương ứng, không phải là tín... riêng chỉ khởi có một. Đây là nêu chung thiện, tùy thiết lập cùng với một pháp thì gọi là thiện, vì không nhiễm phân biệt. Luận kia nói tịnh và Vô ký đồng với đây. Văn chỉ nói không đồng thời với nghiệp quả tâm Dị thực, vì không phải pháp chấp đồng loại với tâm Dị thực, vì nó có thể cùng đồng thời.

Từ đây xuống là giới trí buộc môn thứ mười. Có ba môn nhỏ, môn nhỏ thứ nhất thuyết minh giới trí buộc.

Luận: “Ác tác và thù miên”, đến “đều là tịnh diệu”.

Thuật rằng: Hai pháp đó chỉ có cõi Dục. Tại sao vậy? Vì hai cõi còn lại là diệu cho nên không có, diệu là thắng nghĩa. Hoặc thân có ưu căn cực nhọc do đó mới có miên và hối, hai cõi kia không có những thứ này, cho nên gọi là diệu. Sau tầm tứ là Sơ định, vì Địa của cõi trên đều là tịnh. Tầm tứ thì nhiều động phiền phức không phải tịnh, vì không phải tịnh cho nên tịnh xứ không có. Hoặc tịnh và diệu đều thông cả hai. Môn nhỏ thứ hai, cõi trên và cõi dưới khởi lẫn nhau.

Luận: “Hối và miên sinh cõi trên”, đến “cũng khởi cõi dưới và trên”.

Thuật rằng: Hai pháp sinh cõi trên không khởi cõi dưới, vì là pháp rất thô ác, vì không có chỗ dùng, cho nên không mượn khởi. Cõi trên không khởi cõi dưới, là vì tà kiến của nó hối hận việc tu định, là vốn có địa vị, hủy báng Niết-bàn. Trong cõi Sắc hoặc có hoặc không dung chứa khởi hối, điều này không trái với cõi dưới. Lại nữa, giải thích trong cõi Sắc có khởi hối, cũng là sinh cõi trên khởi cõi dưới. Hiện tại Luận này căn cứ theo phần nhiều và sinh hữu cho nên nói không có. Hai pháp này không phải chỗ có của Địa trên, không nói cõi dưới khởi cõi trên. Tầm tứ thông với hai Địa, cõi dưới được khởi cõi trên, cõi trên được khởi cõi dưới. Cõi Dục nhập Sơ định gọi là cõi dưới khởi cõi trên. Định thứ hai trở lên định thứ tư, khởi Sơ định và cõi Dục tà kiến, phân rõ cõi Vô sắc khởi các cõi dưới cõi Sắc và cõi Dục tâm nhuận sinh, cho nên gọi là cõi

trên khởi cõi dưới.

Luận: “Tâm tứ cõi trên cõi dưới, có thể duyên cõi trên cõi dưới”.

Thuật rằng: Môn nhỏ thứ ba, tâm tứ của cõi trên cõi dưới lẫn nhau được duyên cõi trên cõi dưới, vì cảnh giới rộng. Cõi Dục thì duyên Địa của hai cõi trên, cõi Sắc thì duyên Địa hai cõi trên cõi dưới.

Luận: “Có nghĩa hối và miên”, đến “rất mê mờ khinh suất”.

Thuật rằng: Có nghĩa của sư thứ nhất, hối và miên không duyên cõi trên, vì hành tướng của ác tác thô cạn, hành tướng của miên thì rất mê mờ và khinh suất, không có trong mộng duyên cõi trên. Hoặc duyên danh của cõi trên không phải duyên Địa của cõi trên.

Luận: “Có nghĩa hai pháp này”, đến “chỗ từng trái việc”.

Thuật rằng: Sư thứ hai nói cũng duyên cõi trên, vì có tà kiến hối hận tu định, hối được duyên cõi trên, cũng thông với hủy báng Diệt đế mà hối hận tu định có trong tà kiến tăng thượng mạn, tức là sinh cõi trên cũng khởi cõi dưới. Lại nữa, giải thích lúc đó thời gian cấp bách không dễ gì sinh hối. Đây là căn cứ theo vị vốn có tà kiến đồng thời với hối, không sinh lên cõi trên mà hối hận khởi cõi dưới là lỗi. Mộng có thể rộng duyên các việc từng trái, trong các việc từng trái thông với địa pháp và định của cõi trên. Phiền não của cõi trên đều lấy ba cõi phân riêng, cho nên đáng lẽ sinh cõi trên khởi ác tác cõi dưới, nghĩa là trong thân Trung hữu mà khởi tà kiến, là hối hận các việc làm trước. Luận không thừa nhận hối cùng với chín bản hoặc câu, cho nên tà kiến lúc đó không dễ khởi hối, tức là lúc khác thì khởi được hối này. Không phải cùng với tâm hủy báng diệt đế đồng thời, cho nên không trái nhau. Lại nữa, giải thích căn cứ theo thật thì cũng là tà kiến đồng thời và có sân đồng thời. Luận căn cứ theo phần nhiều, không thừa nhận tà kiến đồng thời với sân, thừa nhận nghĩa của câu là ổn.

Luận: “Hối không phải Vô học lìa dục và xả”.

Thuật rằng: Vì khi lìa dục thì phải xả pháp kia. Quả thứ ba, đối với Vô ký sự chủ yếu không truy hối hận vì đã thẩm quyết. Nếu như thế thì lẽ nào không có hối trước khi thân làm ác? Đây tức là yếm, không phải là hối. Vô ký thiết lập hối, tức là tuệ của công xảo. Hối tùy theo ưu căn mà có hoặc không, hành tướng thì đồng. Như pháp kia tuy có sầu lo, hoặc là xả thọ. Nói học là thuận với các Hữu học Hữu vi thiện pháp, đều gọi là học.

Luận: “Thuỳ miên và tâm tứ”, đến “đều là Vô học”.

Thuật rằng: Đều là thông với ba chủng, từ thiện pháp dục trở đi

đều gọi là học. Vô học thì thân thiện pháp đều gọi là Vô học, cho nên Luận Đối Pháp quyển 4, quyển 66, quyển 57 đều thông với thuyết này, nên không phiền dẫn ra.

Luận: “Hối miên chỉ có thông”, đến “vì thế lực khởi”.

Thuật rằng: Đây là kiến đẳng sở đoạn môn thứ mười hai, chia làm hai đoạn:

1. Giải thích hối và miên.
2. Giải thích tầm và tứ.

Đây là phần đầu. Hai pháp đầu hối và miên thông với kiến đoạn và Tu đoạn, không thông với Bất đoạn. Có Luận nói, Tiểu thừa chỉ có Tu đoạn, hiện tại ở đây thông với kiến đoạn, cũng là thế lực của tà kiến khởi, duyên với các kiến mà sinh.

Hỏi: Khổ căn không phải Vô lậu, Vô học thành tựu gọi là Bất đoạn, vậy thì thù miên đáng lẽ cũng như thế?

Luận: “Không phải Vô lậu đạo gần với chỗ dẫn sinh”.

Thuật rằng: Nói rằng năm căn tại năm thức, do giai vị Hậu đắc trí của Vô lậu, hoặc sau khi dẫn thì năm thức sinh, không phải hai pháp miên và hối có nghĩa này.

Hỏi: Ưu căn tuy không phải Vô học, nhưng trong hai mươi hai căn vẫn gọi là Bất đoạn, tại sao ác tác không như vậy?

Luận: “Cũng không phải như ưu thâm cầu giải thoát”.

Thuật rằng: Chính là ưu căn của nó. Quyển 57 nói tùy thuận hành tướng, thâm cầu giải thoát cho nên không đồng với ác tác. Ưu căn thừa nhận là ba căn Vô lậu, như Luận Đối Pháp quyển 10 nói.

Luận: “Nếu đã đoạn”, đến “không phải thuộc về sở đoạn”.

Thuật rằng: Quyển 66 ghi: “Tất cả pháp Hữu lậu trong thân Vô học đều gọi là Phi sở đoạn, vì đã đoạn tất cả. Tại sao miên này không nói là Phi sở đoạn? Căn cứ theo câu Vô lậu thì chỗ dẫn của Vô lậu tức là Phi sở đoạn. Ác tác tuy hối hận trước ác để cầu Niết-bàn, nhưng không thâm cầu, hành tướng cạn, không đồng với ưu cho nên nói thâm cầu để lựa riêng nó ra. Lại nữa, giải thích này căn cứ theo phần nhiều bất đắc, có cầu xuất thế mà sinh hối hận thâm sâu cho nên gọi là bất đoạn. Hoặc Vô lậu dẫn gọi là Vô lậu. Thù miên tuy cũng như thế, nhưng xa dẫn sinh, không phải gần dẫn sinh cho nên nói gần để lựa riêng nó.

Luận: “Tầm tứ tuy không phải”, đến “thuộc về Phi sở đoạn”.

Thuật rằng: Dưới đây vẫn có hai đoạn, một là chung, hai là riêng, đây là văn chung. Hai pháp tuy không phải vô phân biệt trí chân Vô lậu đạo tương ứng, gọi là Vô lậu dẫn, hoặc khi gia hạnh dẫn Vô lậu đạo

theo chỗ dẫn sinh của Hậu đắc trí, đồng thời dẫn, cũng thông với Phi đoạn. Giải thích này thông với nghĩa của sư Vô lậu; giải thích sau tuy không phải chánh trí và Hậu đắc trí đồng thời với chân Vô lậu đạo, mà có thể dẫn pháp kia như ưu, từ đó dẫn sinh như khổ, cũng thông với Phi đoạn. Giải thích sau thì không thông với nghĩa của sư Vô lậu.

Luận: “Có nghĩa tầm tứ”, đến “vì là phân biệt”.

Thuật rằng: Dưới đây là giải thích riêng. Phi sở đoạn, trong năm pháp chỉ có phân biệt nhiếp, chỉ có Hữu lậu, vì Luận phán phân quyết kia là phân biệt. Đại Luận quyển 5 ghi: “Bốn câu quyết trạch của tầm tứ, nói rằng tầm tứ đều là phân biệt. Có phân biệt không phải tầm tứ”. Hiện tại lấy để làm chứng.

Luận: “Có nghĩa hai pháp này”, đến “vì tìm cầu”.

Thuật rằng: Trong đó có ba đoạn: một là chứng, hai là lý, ba là tổng hợp. Đây là phần đầu, cũng là chỗ nhiếp của chánh trí trong năm pháp. Hiền Dượng quyển 2 ghi: “Chánh tư duy là Vô lậu”. Làm sao biết thể của tư duy là tầm? Hiền Dượng quyển 2 và Đại Luận quyển 29 đều ghi: “Chánh tư duy kia có thể khiến cho tâm tìm cầu, cực tìm cầu, thú nhập và cực thú nhập”, cho nên có những lời đó. Tầm cầu tức là tầm.

Luận: “Lại nữa, nói kia là nhân của ngôn thuyết”.

Thuật rằng: Luận Đối Pháp quyển 10 và Luận Thập Địa quyển 1 ghi: “Chánh tư duy là nhân của ngữ ngôn”, cho nên biết tầm thông với Vô lậu. Tầm đã như thế thì tứ cũng như thế.

Hỏi: Đã dẫn Luận Thập Địa quyển 1, nói rằng là nhân của ngữ ngôn, lẽ nào không dẫn thỉnh thứ nhất trong ba thỉnh của nó! Trong đó nói: “Tại sao người Tịnh giác thì niệm và trí công đức đầy đủ?” Lại nữa, Luận giải thích rằng: “Giác là giác quán nhân của ngữ ngôn”.

Đáp: Nếu theo Phạm văn thì Tỳ-trớ-ca là tầm, Tăng-yết-lạp-ba là tư duy. Luận Thập Địa đó nói Tăng-yết-lạp-ba chỉ là tư duy cũng không có chữ chánh, hướng chi là tầm, tức là ngược lại với các nhà giải thích đã từng lấy giác cho là quán, cho nên dẫn không đồng. Luận kia chỉ nên nói là Tịnh tư duy.

Luận: “Vị chưa cứu cánh”, đến “cũng thông Vô lậu”.

Thuật rằng: Dưới đây là lập lý. Đây là hiển tại nhân không phải tại Phật quả, Nhị thừa thánh, Bồ-tát Thập địa, đối với thuốc năng trị và bệnh sở trị, đều không thể hiểu biết khắp hết. Trong Hậu đắc trí vì người khác mà thuyết pháp, cần phải mượn nhờ hai pháp tầm tứ, so với Phật có chút ít khác nhau. Phật thì thuyết pháp Vô công dụng, từ Địa thứ tám trở lên tuy Vô công dụng, nhưng quả chưa đầy cho nên có mặc

tình tùy ý công dụng, do đó không đồng với Phật. Lại nữa, công dụng có hai thứ: một là tự lợi, hai là lợi tha, từ Địa thứ bảy trở lại thì đều không có, sau Địa thứ tám trở lên cũng có. Địa thứ bảy về trước thì có hai dụng, Địa thứ tám trở đi thì không có công dụng, không có dụng của tự và dụng của lợi, mặc tình tùy ý nhập Địa. Không phải đối với lợi tha mà cũng không có công dụng, Phật thì cả hai đều không có, cho nên khi thuyết pháp không mượn công dụng, có thể của Chánh tư duy tức là tự, không gọi là tâm. Lại nữa, trong giải thích mười Vô học, Phật không có chi Chánh tư duy, vì không có tâm. Giải thích trước là thù thắng. Địa thứ tám trở đi, tâm Vô lậu quán đã tương tục chuyển, không có tâm tứ thì do đâu mà tâm tứ phát khởi năm thức Hữu lậu. Điều này cũng không đúng, như trong định nghe âm thanh, ý không có tâm tứ cũng dẫn nhĩ thức, cho nên biết như Luận chỉ nói pháp tu, đã nói tâm tứ là ngữ biến hành, Phật không có hai pháp thì làm sao có thể ngữ? Đây là Tùy chuyển môn nói là Biến hành, Đại thừa thì không như thế, chỉ có tâm Biến hành là thật Biến hành. Hai hành thân và ngữ không phải là Biến hành, cho nên hai pháp này cũng thông với Vô lậu. Nghĩa của ba hành như Xu Yếu giải thích, Thập địa cũng có. Sơ địa trở đi khởi Vô lậu, khi đến tâm Kim cương thì cùng với tâm kia đồng thời không hành, khi đắc pháp thù thắng thì trở nên yếu kém không có hành. Chỉ sau khi đắc đồng thời, không phải chánh trí. Lấy bốn câu “tư duy Chân như không quán Chân như”, trong quyển 73 để làm chứng.

Luận: “Tuy nói tâm tứ”, đến “cũng có phân biệt”.

Thuật rằng: Dưới đây tổng hợp các điều trái nhau. Tuy nói tâm tứ chắc chắn là phân biệt, nhưng không nhất định nói ở trong năm pháp, chỉ thuộc phân biệt thứ ba, vì sau năm pháp kia cũng có phân biệt trong đắc chánh trí. Phân biệt có hai thứ:

1. Tâm Hữu lậu gọi là phân biệt, tức là phân biệt trong năm pháp.
2. Duyên sự gọi là phân biệt, tức là Hậu đắc trí cũng gọi là phân biệt.

Hoặc lập ba phân biệt, hai thứ như trên, thứ ba tâm Biến kế càng tăng thêm gọi là phân biệt. Nhưng Đại Luận quyển 5 giải thích hai thứ này là tâm pháp tâm sở của ba cõi gọi là phân biệt, tuy căn cứ theo Hữu lậu mà làm Luận, vì không nói Duy. Hiện tại trong đây sư thứ nhất nói thể của tâm tứ chỉ có Hữu lậu, tức là chi Tĩnh lực ban đầu của Vô lậu, thiếu không có tâm tứ. Hoặc căn cứ theo sư thứ hai nói, năm chi Tĩnh lực ban đầu của Hữu lậu Vô lậu trong nhân của Nhị thừa Thập địa, đến

Phật thì không có, chỉ là tư tuệ. Nhưng không có thô tế không thể nói là chi năng trị. Nghĩa này nên suy nghĩ. Trong chi Thiên, cực tu phân biệt, như Xu Yếu giải thích.

Luận: “Ngoài các môn khác căn cứ theo trên, như lý nên biết”.

Thuật rằng: Duyên Hữu lậu Vô lậu và hữu sự vô sự, đều cứ như vậy mà thực hành. Ngay trong chỗ giải thích riêng sáu vị tâm sở, từ trên đến đây giải thích riêng đã xong. Từ đây xuống là phần thứ hai tổng liệu giản, tâm sở và tâm là một hay là khác.

Luận: “Như vậy sáu vị”, đến “phần vị sai biệt”.

Thuật rằng: Trong đó có bốn phần:

1. Hỏi.
2. Đáp.
3. Trình bày.
4. Giải thích.

Ở đây hai câu hỏi đã xong.

Luận: “Nếu như thế thì lỗi gì?”

Thuật rằng: Đây là Luận chủ đáp. Nếu thừa nhận hai thứ đều có thì có lỗi gì?

Luận: “Hai thứ đều có lỗi”.

Thuật rằng: Dưới đây là phần thứ ba trình bày. Phần đầu là chung, phần sau là riêng. Đây là tổng nói về lỗi.

Luận: “Hoặc lìa thể của tâm”, đến “nói chỉ có thức”.

Thuật rằng: Dưới đây là vấn nạn riêng. Hai quan hệ trình bày ở đây, vấn nạn lìa tâm nói có thật thể. Sư Lăng-già, sư Trung Luận, Bách Luận, hoặc Kinh bộ, Diệu Âm... cũng như thế. Như quyển thứ nhất trước đã giải thích. Luận kia tuy không nói tất cả tâm sở đều không có. Nhưng có Câu-xá giải thích trong chi xúc trình bày kế chấp của Kinh bộ. Bà-sa trình bày kế chấp của Diệu Âm, nói chỉ có thức, tức là Nhiếp Luận quyển 4 chỗ dẫn Địa thứ sáu của kinh Thập Địa. Lăng-già cũng có, như trước đã dẫn xong, không nói chỉ có tâm sở.

Luận: “Lại nữa, tại sao nói tâm độc hành xa”.

Thuật rằng: Bài tụng thứ tư trong Nhiếp Luận ghi: “Viễn hành và Độc hành, không thân ngữ trong hàng”. Điều hòa ở đây là khó điều tâm. Chỉ nói tâm mà không nói tâm sở cũng Độc hành. Ở đây lược bỏ bài tụng.

Luận: “Nhiễm tịnh do tâm”.

Thuật rằng: Kinh Vô Cấu Xưng nói tâm cấu cho nên chúng sinh cấu, như trong quyển 4 trước, Chứng thứ mười trong mười Chứng đã dẫn

xong. Luận kia cũng không nói tâm sở là có.

Luận: “Sĩ phu sáu cõi”.

Thuật rằng: Bốn đại, Không, thức có thể thành hữu tình, Bất tín tâm sở thành hữu tình. Quyển 56 ghi: “Đây là mật ý, chỉ có sắc, động và tâm sở là ba pháp sở y tối thắng, cho nên chỉ nói sáu đại, khắp các kinh đều nói, thông với chỗ có của Đại thừa và Tiểu thừa.

Luận: “Luận Trang Nghiêm nói”, đến “không có riêng pháp nhiệm và pháp thiện”.

Thuật rằng: Ở đây có ý vấn nạn rằng, thừa nhận tâm tợ hai hiện, là đã thành lập tâm hiện tợ hai pháp kiến và tướng, hoặc hiện tợ năng thủ và sở thủ đã xong. Đây là nghĩa của đoạn văn đã thành. “Như vậy tợ tham...” là đoạn văn chỉ cho nghĩa, cho nên nói “như vậy”. Tợ tham, là tâm lại biến đổi tương tợ tất cả pháp nhiệm như tham, sân...; hoặc tợ tín là như tất cả thiện pháp. Chữ “tợ” trong đây là nói tương tợ chỗ kế chấp thật có hai phần pháp ngoài tâm, cho nên gọi là tợ. “Không có riêng nhiệm pháp và thiện pháp”, là tâm biến tợ hai phần kiến và tướng, vì hai phần lìa tâm thì không riêng có pháp. Lại nữa, nói tâm biến tợ tham và tín, vì tham và tín lìa ngoài tâm không riêng có thiện pháp và nhiệm pháp, thể tức là tâm, vì như hai phần kiến và tướng. Nói tâm biến tợ, cho nên biết từ tâm biến tương tợ tham và tín, không phải riêng có tâm sở, phần đầu lấy kinh làm chứng, phần sau lấy lý lập thành. Đây là lìa tâm có chỗ vấn nạn, kế đó là lìa tâm không có chỗ vấn nạn.

Luận: “Hoặc tức là tâm”, đến “không phải tự tánh”.

Thuật rằng: Hoặc chỉ có phần vị của tâm như Giác Thiên và Kinh bộ. Thánh giáo nói cùng với tâm tương ứng là như thế nào? Quyển 10, kinh Lăng-già quyển 9 và quyển 10 đều có nói tương ứng này. Hoặc tâm sở tức là tâm thì không thể nói tương ứng. Tương ứng thì phải cùng với tha tánh không phải tự tánh tương ứng. Như phẩm tương ứng của Luận Đối Pháp quyển 5 ghi: “Tự tánh hai thể không đồng thời”. Cùng với quyển 56 ghi: “Tha tánh tương ứng, không phải tự tánh”.

Luận: “Lại nữa, tại sao nói” đến “như mặt trời và ánh sáng”.

Thuật rằng: “Như mặt trời và ánh sáng” là có ý nói khác nhau, vì lìa ngoài mặt trời ra còn có ánh sáng, như chỗ phóng muôn ngàn tia sáng của mặt trời. Đây là kinh Lăng-già quyển 10 lập thành và phẩm Năm pháp trong quyển 7 nói.

Luận: “Luận Du-già nói”, đến “cùng với Thánh giáo trái nhau”.

Thuật rằng: Quyển 56 ghi: “Lại như thế nào mà thông?” Tụng kia nói: “Năm chủng tánh không thành” Luận họ lại nói vì năm uẩn kia

không thành. Lời nói của Giác Thiên kia không phải có chỗ riêng, chỉ có tâm phần vị trước và sau cho nên nói có năm, là các phần vị mong nhau, hữu và vô đều thành lỗi. Có các phần vị tác dụng riêng, do khác nhau cho nên thể đáng lẽ cũng khác, vì lìa thể thì không có tướng. Nếu không có tác dụng riêng thì tại sao có thể nói “phần vị riêng cho nên lập năm uẩn?” Phần vị lỗi quấy, theo Luận kia nói: “Không nên cho rằng như phần vị của sáu thức mà nói sai biệt của nó, họ sẽ kể chấp thể của sáu thức là một”. Nhưng phần vị của sở y riêng khác cho nên nói sáu thức, uẩn này cũng như thế. Không đúng! Nếu thừa nhận sáu thức không có riêng sáu thể thì y và duyên của sáu thức mỗi mỗi đều riêng khác cho nên có thể nói có sáu. Hiện tại sở y và sở duyên của tâm sở này có thể được một xứ, do đó thành phi lý. Nếu nói một thức có trước sau chuyển biến mà nói có năm thì không đúng, vì không phải sắc pháp. Không có sắc thì không có chuyển biến, như sữa trước và sau có biến dị. Sắc pháp không có y và duyên có thể có chuyển biến, tâm thì không đúng. Như thế nào có chuyển biến? Đây là kể chấp phần vị biệt lập trước sau, vì nhân duyên không có riêng. Nói rằng trong một niệm hiện tại có vô số hành tướng bất đồng, đã chỉ có một thức, không có tâm sở thì có nhân duyên gì sai biệt? Khiến cho một thức có nhiều hành tướng và phần vị sai biệt, đây là vấn nạn phần vị biến dị của một niệm. Nói nhiều niệm biến dị, căn và cảnh tương tự nhân duyên không khác nhau, cũng thành lỗi, trái với Thánh giáo. Luận kia dẫn rằng: “Các pháp tham và sân là nhiễm và não tâm của nó khiến cho không giải thoát”. Luận đó có hỏi đáp. Nếu khởi tham tâm đồng thời với vô thức thì tham không có chỗ y nhiễm tâm. Vì do tham tâm này chỉ là năng nhiễm không phải sở nhiễm. Nếu nói tâm trước là thức thì tâm sau là tham nhiễm tâm trước, vì không có sai biệt. Nói tâm trước cũng duyên cảnh này, tâm sau cũng duyên cảnh này, không có nhân duyên khác, vì sao thức sau là tham nhiễm? Lại nữa, kinh nói xúc đồng thời với thọ và tưởng. Lại nữa, nói các pháp hòa hợp như vậy, không phải không hòa, như trước đã dẫn. Luận Hiển Dương trong tâm sở thứ nhất cũng có. Lại nữa, kinh nói ví dụ về đèn và ánh sáng, trong tụng Lăng-già ba quyển cuối cũng có. Nhưng Trường hàng thì như trước đã dẫn. Lại nữa, trái với ba ví dụ, nói rằng sữa, lạc và tô tức là chỗ nói của Luận kia. Bốn đại chủng thô lấy đó làm ngã. Đây là tại cõi Dục bốn đại chủng thô cho nên như sữa. Ý hữu sắc sinh, tứ là sắc của cõi Sắc hóa sinh, dần dần thù thắng như lạc. Tưởng của Vô sắc sinh, tức là cõi Vô sắc chuyển thù thắng như tô. Các kinh như vậy lẽ nào chỉ có sắc, hoặc chỉ có tâm, chỉ có tướng, cho nên

kinh Lục Giới là mật ý nói. Các thứ chất vấn kia rộng như kinh nói. Từ đây trở lên cùng với Thánh giáo trái nhau, tức là năm kinh. Những thứ này là câu vấn nạn thứ hai, hiện tại đáp.

Luận: “Đáng lẽ nói lia tâm”, đến “nói Duy thức”.

Thuật rằng: Giải thích dưới đây có hai, một là tục hai là chân. Dưới đây là tục. Lia tâm có sở, tại sao nói Duy thức, tâm Độc hành xa, nhiễm và tịnh đều do tâm? Trong kinh Lục Giới chỉ nói tâm, vì tâm thù thắng cho nên nói đây là Duy thức, làm sao thù thắng có thể làm chủ hay có thể làm y? Hành tướng tổng hằng quyết định, không phải như những chỗ có khi bất định. Quyển 56 ghi: “Nói sáu cõi là chỉ hiển ba pháp sở y của thù thắng là sắc, động và tâm sở”. Sở y của sắc là bốn đại, sở y của động là Không giới và Phi vô vi. Sắc và động của hữu tình thì lấy đó làm y. Nói sắc của Không giới, đây là tại nội giới không phải lấy ngoại giới. Từ trong nội thân có Không giới này, vì có động cho nên làm chỗ y của động, sở y của tâm sở. Nói rằng tâm, cho nên hiện tại tổng nói vì tâm thù thắng cho nên chỉ nói đối với tâm, thân của sắc và tâm nương nơi Không và Động. Lại nữa, trước đã ví dụ sữa, lạc và tô trong kinh, đáng lẽ đặt vấn nạn ngược lại. Đây là thông chỗ trái nghịch với kinh trong vấn nạn thứ nhất ở trước đã xong. Kế đó thông với Luận Trang Nghiêm nói về tợ tham..

Luận: “Tâm sở nương tâm”, đến “không phải tức là tâm kia”.

Thuật rằng: Vì các tâm sở nương tâm mà khởi, nương vào thế lực của tâm mà sinh, nói tâm tợ hiện khởi của tham và tín kia, không phải nói thể của tâm sở kia tức là tâm, mà nói không có riêng nhiễm pháp và thiện pháp. Trừ các pháp của tâm sở tợ tham này ra thì không có thật nhiễm pháp và thiện pháp riêng ngoài tâm, không phải cho rằng chỗ tợ tham cũng không có. Tợ có hai nghĩa:

1. Không có riêng thể, do tâm sinh cho nên nói là tợ, biến tợ hai phần hiện khởi.

2. Tuy có riêng thể, do tâm mới sinh làm y thù thắng cho nên nói đó là tợ, tức là tham.

Hiện tại tụng tổng nói tợ là thông với hai nghĩa này, không phải chỉ có một làm ví dụ. Đây là thông với kinh vấn nạn thứ nhất đã xong. Tiếp theo là tổng thông với các kinh trong vấn nạn thứ nhất.

Luận: “Lại nữa, nói thức tâm”, đến “hằng tương ứng”.

Thuật rằng: Nói thức tâm là nhiếp luôn tâm sở, kinh trước có thể biết. Luận Trang Nghiêm ghi: “Thừa nhận tâm là nhiếp luôn tâm sở, vì hằng tương ứng”. Nếu như thế thì tham và tín, đã nhập vào trong năng

tự tâm tự. Chỗ nói tự tham và tự tín là thế nào? Pháp của tham và tín trong tổng tâm tự, cũng riêng biến tự hiện khởi của tham và tín, vì nghĩa nói tổng tự và biệt tự khác nhau. Nói hai hiện của tổng tâm tự năng tự, tức là Tự chứng phần của tâm. Hai pháp tự tự kiến và tự tự tướng, đồng thời với tự thể phần của tham, cũng hiện tự tham mỗi mỗi đều là nghĩa của hai hiện, do đó tổng của nó thừa nhận tâm sở trong tâm tự cũng tại trong đó. Nhưng chỉ nói hai hiện của tâm biến tự, nói pháp tâm sở tự tham hiện khởi, vì tâm thù thắng. Chẳng qua trong hai vị nhiễm và tịnh, pháp Vô ký của nó có pháp thuận với nhiễm, có pháp thuận thiện, cho nên ở đây tổng nói cũng nhiếp luôn Vô ký. Như trong các Bộ chấp không có Vô ký thì núi sông kia đã có chỗ tùy thuận, tức là chỉ có thiện và nhiễm, pháp này cũng như vậy. Lại nữa, giải thích tâm sở không lìa tâm, vì thừa nhận tâm tự chứng đã là Tự hai hiện, vậy thì Tự chứng phần của tâm sở là nhiễm, hai hiện tự thể phần của tự tham là tịnh. Hai hiện của tự tín, lìa ngoài tự thể và sở tự tham ra thì không có riêng nhiễm pháp và thiện pháp.

Luận: “Nói Duy thức”, đến “đều không có lỗi”.

Thuật rằng: Tổng kết các nghĩa trước không có lỗi tương vi. Hoặc sau đây chỉ thông với các kinh trước, không phải giải thích các Luận sau.

Luận: “Đây là nương Thế tục”, đến “diệu lý của chân và tục”.

Thuật rằng: Dưới đây giải thích chân. Hiện tại chỗ nói của Luận này là Đạo lý Thế tục thứ hai trong bốn Thế tục. Hoặc nương vào Thắng nghĩa, tức là Đạo lý Thắng nghĩa thứ hai trong bốn Thắng nghĩa. Nương vào nhân quả chẳng tức chẳng lìa, tâm sở là quả, tâm vương làm nhân, Pháp nhĩ nhân quả chẳng phải tức chẳng phải lìa. Lại nữa, phỏng theo Thắng nghĩa thứ ba, nương vào thuyên để hiển ý chỉ. Hoặc phỏng theo năng thuyên tám pháp Y tha khác nhau, tám pháp phi định tức. Hoặc đồng với hai vô ngã tám phi định ly. Thắng nghĩa thứ tư bật tâm nói năng, cái gì tức cái gì ly? Lại nương vào Thế tục thứ hai, Chân thứ nhất để phân rõ tám biệt. Hoặc thiên đối với Thắng nghĩa thứ hai, chẳng phải tức và chẳng phải lìa cũng được. Lại nữa, tức đầy nhập trong Chân thứ nhất, cũng chẳng phải tức cũng chẳng phải lìa, lý có chút ít thù thắng, vì pháp hư huyền. Pháp gì có định ly? Tám tác dụng riêng cũng không phải là định tức, hoặc là chỗ nhiếp của Thắng nghĩa thứ tư. Như giải thích trong tám thức, không thể nói quyết định, vì sao có thể nói hoặc tức hoặc lìa? Các thức cũng như thế, tám thức đều đáng lẽ không thể nói quyết định, đến cuối quyển này thì văn đó sẽ tự hiểu.

Luận: “Đã nói sáu thức”, đến “hiện khởi phần vị”.

Thuật rằng: câu hỏi tuy chỉ có hiện khởi phần vị, nghĩa trong tụng có sở y đồng thời chuyển, hiện khởi hiển lẫn nhau, nương đồng thời ẩn. Từ quyển 5 trước trở lại, giải thích năng biến thứ ba, từ bài tụng thứ hai kia về sau, từ đây về trước nói cùng với sáu vị tâm sở đều xong. Hiện tại thuyết minh sáu thức cộng y của môn thứ bảy, sáu thức câu chuyển của môn thứ tám, khởi diệt phần vị của môn thứ chín, có hai bài tụng này kết phần trước sinh phần sau gởi vào câu hỏi để trình bày lại. Kế đó nêu tụng ra chánh đáp, sau cùng là giải thích bản văn.

Luận: “Tụng nói rằng”, đến “thùy miên và muộn tuyệt”.

Thuật rằng: Y chỉ căn bản thức, câu này thông với sáu thức dưới, vì cả hai đều y chỉ Thức thứ tám, để hiển cộng y của nó. Nhưng y chỉ có hai thứ:

1. Y chủng tử Thức thứ tám, tức là nhân duyên Cận y, là cõi từ vô thỉ đến nay trong kinh Đạt-ma.

2. Y hiện hành Thức thứ tám, tức là tăng thượng duyên y, là y tất cả pháp trong kinh Đạt-ma.

Nói sáu Chuyển thức đều y tựa chủng tử và hiện hành của bản thức mà được hiện khởi. Quyển 51 ghi: “Do có A-lại-da thức cho nên chấp thọ năm căn, cho đến do có thức này, cho nên được có Mạt-na, Ý thức thứ sáu nương đó mà chuyển”. Dưới đây văn Trường hàng tự giải thích câu này. Tổng thông với sáu thức, hai câu văn hoặc câu hoặc Bất câu là giải thích câu chuyển, ngoài ra thuyết minh sai biệt của phần vị khởi diệt. Trong tụng thứ hai và câu nói vô tâm, thông với bốn vị dưới. Do bốn vị dưới không nói vô tâm. Loạn thì có tâm, cho nên có lỗi ý được khởi.

Luận: “Nói rằng”, đến “sinh căn bản”.

Thuật rằng: Trong văn Trường hàng dưới đây phân làm hai đoạn. Đoạn đầu chánh giải thích văn tụng, đoạn sau từ tám thức và tất cả hữu tình trở xuống là tổng liệu giản ba thứ năng biến trước. Trong đoạn đầu có ba phần:

1. Giải thích sở y.

2. Giải thích tướng của câu và Bất câu.

3. Từ năm Chuyển thức trở xuống, giải thích phần vị của khởi và diệt.

Đây là phần đầu. Căn bản thức là A-đà-na thức, vì cùng với nhiễm thức và tịnh thức làm y. Tịnh tức là Vô lậu, đến các vị Nhị thừa và Bồ-tát thì thông. Nói A-lại-da là ở giai vị tiện lợi và câu thức, nói căn bản

là những gì sinh từ vô thủ, nghĩa đồng với căn bản thức của Đại chúng bộ. Giải thích ba chữ dưới của câu thứ nhất đã xong, đến giải thích hai chữ trên.

Luận: “Y chỉ”, đến “là cộng cận y”.

Thuật rằng: Sáu Chuyển thức trước trong bảy Chuyển thức, trừ Chuyển thức thứ bảy ra, vì Thức thứ bảy duyên hằng vô ngại. Lại nữa, trong văn kia đã thuyết minh, y bị chuyển duyên bị, cho nên trừ Thức thứ bảy ra. Lại nữa, giải thích Thức thứ tám và Thức thứ bảy đều nói rõ đoạn dứt phần vị Hữu lậu, sáu Chuyển thức này thì chỉ thuyết minh phần vị khởi và diệt mà không nói đoạn phần vị Hữu lậu. Thức thứ tám và Thức thứ bảy hành hiển tất cả thời, sáu thức này cũng có đoạn vị ảnh hiển trong văn. Trong Chuyển y dưới đây sẽ tự giải thích rõ. Đây là sáu thức trước lấy căn bản thức làm cộng y, tức là hiện hành bản thức, vì thức đều là chung cùng. Cận y tức là chủng tử thức mỗi mỗi đều khác chủng. Đây là một câu thông hai bài tụng đã xong. Từ đây xuống giải thích thứ hai về tướng câu và tướng Bất câu của các thức.

Luận: “Năm thức”, đến “cho nên tổng nói nó”.

Thuật rằng: Năm thức là đoạn văn trong tụng. Nói năm Chuyển thức trước hiển là thức mà nhãn... năm căn sinh khởi. Tại sao lấy một xứ mà tổng nói? Vì chủng loại tương tự cho nên tổng nói:

1. Điều y sắc tướng.
2. Đồng duyên sắc cảnh.
3. Điều chỉ duyên hiện tại.
4. Điều hiện lượng đặc.
5. Điều có gián đoạn.

Vì chủng loại tương tự cho nên nói chung, tức là hai chữ trên của câu thứ hai.

Luận: “Tùy duyên hiện mà nói hiển không phải thường khởi”.

Thuật rằng: Tùy duyên hiện là đoạn văn chỉ cho bài tụng, hiển không phải thường khởi, tức là không phải thường sinh, vì duyên không phải hằng. Thức thứ sáu tuy cũng tùy duyên mới hiện, thời và duyên hằng đủ, cho nên không nói, đến sau sẽ rõ, vì do năm thức này phần nhiều là gián đoạn thì làm sao duyên?

Luận: “Duyên là duyên của các thứ tác ý, căn và cảnh”.

Thuật rằng: Nếu năm thức của Tiểu thừa có ba loại, là lấy năm duyên, bốn duyên và ba duyên mà sinh, hiện tại Đại thừa có khác chút ít. Nhãn thức nương nhục nhãn có chín duyên sinh, nghĩa là năm thức không, minh, căn, cảnh và tác ý đồng với Tiểu thừa. Nếu thêm căn bản

Thức thứ tám, nhiếp tịnh Thức thứ bảy, phân biệt đồng thời sáu pháp thì năng sinh chủng tử nương chín pháp mà sinh. Hoặc thiên nhãn chỉ trừ Minh và Không; nhiếp thức nương vào tám pháp chỉ trừ Minh; ba thức tử, thiết và thân nương bảy pháp, lại trừ từ Không đến cảnh mới lấy. Thức thứ sáu nương năm duyên mà sinh, căn tức là Thức thứ bảy, cảnh là tất cả pháp. Tác ý và căn bản Thức thứ tám. Năng y tức là chủng tử lấy năm y sinh Thức thứ bảy. Thức thứ tám lấy bốn duyên mà sinh:

1. Thức thứ tám, Thức thứ bảy làm câu hữu y, không có căn bản y.
2. Vì tùy chỗ nắm lấy làm sở duyên.
3. Tác ý.
4. Chủng tử.

Cho nên có bốn duyên. Hoặc nói Thức thứ tám nương bốn duyên, Thức thứ bảy nương ba duyên, tức là lấy sở y làm sở duyên. Đây là căn cứ theo chánh nghĩa, nhưng nếu lấy Đẳng vô gián duyên, tức là như thức tự mười, chín, tám, sáu, năm, bốn duyên mà sinh, tức là chỗ nương gá đều gọi là duyên, cho nên có các sai biệt này, do đó Luận nói “vân vân”.

Luận: “Nói rằng thân của năm thức”, đến “có đốn và tiệm”.

Thuật rằng: Chỉ do bên trong năm thức gá vào bản thức, tức là chủng tử, bên ngoài dựa vào nhiều duyên mới được hiện tiền. Vì tuy chủng tử thì hằng, bên ngoài duyên hợp có đốn tiệm, khởi năm thức hoặc bốn, ba, hai, một thức mà sinh. Hoặc năm thức đến một thức mà sinh không nhất định, hoặc câu và Bất câu. Quyển 76 và Giải Thâm Mật ghi: “Quảng tuệ và A-đà-na làm y chỉ, và làm kiến lập”. Hoặc trong lúc đó có một nhãn thức sinh duyên hiện cảnh, tức là trong lúc đó có một nhãn thức chuyển, cho đến năm duyên đốn hiện trước mắt, tức là trong lúc đó thân của năm thức chuyển, cho nên năm thức do duyên cụ và bất cụ do đó sinh có nhiều hoặc ít, hoặc câu hoặc Bất câu.

Luận: “Như nước sóng to tùy duyên nhiều hay ít”.

Thuật rằng: Giải Thâm Mật kia ghi: “Quảng tuệ như dòng thác nước lớn, nếu có một lượng sóng lớn sinh thì duyên hiện tiền chỉ một lượng sóng lớn chuyển, cho đến nếu nhiều lượng sóng lớn sinh thì duyên hiện tiền có nhiều lượng sóng lớn chuyển, các thức cũng như vậy. Như dòng thác A-đà-na, cho đến các thức được chuyển”. Đây là lấy năm thức chuyển ví dụ với sóng to, bản thức dụ cho dòng thác.

Luận: “Những pháp dụ này nói rộng như trong kinh”.

Thuật rằng: Như Giải Thâm Mật ghi: “Kinh kia chỉ có năm thức”.

Luận này cũng làm ví dụ đồng với kinh đó đã xong. Chỉ có trong dụ lại có một, là như mặt gương trong sáng, có một hình sinh duyên hiện tiền chỉ có một ảnh khởi, cho đến nhiều ảnh nên biết cũng như vậy, cho nên Luận này nói đồng với ví dụ của mặt gương kia. Hiện tại ở đây nên nói các pháp dụ này, vì trong pháp không có. Đây là nói tổng quát hết các lời nói. Bảy thức trước tương tự như sóng tương tự, chỉ nói năm thức là năm câu quyết định có Thức thứ sáu, vì bảy thức hằng sinh.

Từ đây xuống phần thứ ba giải thích phần vị của khởi và diệt, trong đó có hai. Phần đầu giải thích ý thường hiện khởi. Phần sau giải thích trừ sinh Vô tướng thiên. Hai phần đầu và giữa lại giải thích nữa, thuyết minh Thức thứ sáu thường hiện khởi, tức là tổng kết giải thích năm thức do duyên cho nên sinh hoặc bất sinh.

Luận: “Do năm Chuyển thức”, đến “khi không khởi thì nhiều”.

Thuật rằng: Tức là nhãn... hành tướng thô động. Thô thì chỉ nắm lấy cảnh bên ngoài, động là dao động nông cạn. Lại nữa, thô thì hành tướng dễ biết, động thì do duyên cảnh bên ngoài mà niệm càng thêm chuyển dịch, cho đến Phật quả thì thế lực của năm thức cùng với nhân mới đồng. Chỗ dựa nhiều duyên, như trước đã nói. Thời gian không đủ nhiều, vì duyên nhiều khó phân rõ, không thể hằng đủ, khi khởi thì ít, không khởi thì nhiều.

Luận: “Ý thức thứ sáu”, đến “có khi không khởi”.

Thuật rằng: Tuy cũng thô cũng động, hiển nghĩa bất định, cũng là năm thức. Lại nữa, hiển tự thể hành tướng gồm có vi tế, vì thô cũng tế. Lại nữa, hiển cũng với Thức thứ bảy và Thức thứ tám hành tướng khác nhau.

Hỏi: Nếu như thế thì tại sao không có tất cả thời như Thức thứ bảy và Thức thứ tám tương tục sinh?

Đáp: Do trái với duyên cho nên có khi không khởi.

Hỏi: pháp nào trái với duyên?

Đáp: Tức là năm vị dưới hoặc chán đối với tâm, hoặc duyên khác ngăn ngại thức sinh khởi, cho nên gọi là trái với duyên.

Luận: “Thức thứ bảy và Thức thứ tám”, đến “khiến cho tổng bất hành”.

Thuật rằng: Thức thứ bảy và Thức thứ tám, hành tướng hằng nội, duyên và một loại trầm thắm, khởi dựa vào duyên thì ít, tất cả thời đều có, vì hành tướng đều tế cho nên không có duyên ngăn ngại, khiến cho tổng bất hành. Nói tổng bất hành là Thức thứ bảy trái với Vô lậu và diệt định, nhiễm một phần bất hành, không phải thể tổng không có. Lại

nữa, chỉ có thể khiến cho chuyển biến, không phải tổng bất hành, cho nên cùng với trước riêng lấy Thức thứ sáu thô động, cũng làm duyên ngăn ngại. Đây là câu “thường hiện khởi” trong giải thích lần thứ nhất, vì tám thức mong nhau không đồng với năm thức trước, lại khác với hai pháp sau gọi là thường hiện khởi. Lần lượt nắm lấy hai đoạn văn giải thích dưới, nói rằng do trong tụng này, không nói Thức thứ sáu này tùy duyên hiện. Đối với cuối lần giải thích thứ nhất cũng nên nói. Luận kia cả hai đều tổng kết.

Luận: “Luận thân năm thức”, đến “khi hiện hành thì ít”.

Thuật rằng: Giải thích lần thứ hai, không thể tư lự, vì không có tâm tứ. Không thể tự khởi nhờ vào pháp khác dẫn, vì duyên với thô sự, chỉ chuyển ngoại môn, chỉ duyên cảnh bên ngoài, vì không duyên bên trong chủng tử, căn và lý. Có lý do này khởi dựa vào nhiều duyên, cảnh giới đều quyết định mỗi mỗi đều có giới hạn. Do sở y hoặc thiếu thời gian, cho nên khi đoạn thì nhiều, khi hiện hành thì ít.

Luận: “Ý thức thứ sáu”, đến “thức này tùy duyên hiện”.

Thuật rằng: Tự có thể tư lự, vì có tâm tứ. Chuyển nội môn và ngoại môn, vì duyên lý và sự, chỗ nhờ duyên pháp của căn và cảnh thì ít. Tất cả thời đầy đủ không thiếu, tự có thể tư lự không giống như năm thức khi khởi thì nhờ dẫn sinh, không mượn nhiều duyên, chỉ trừ năm vị thường hay hiện khởi, cho nên khi đoạn thì ít, hiện hành thì nhiều. Do trong tụng này không nói Ý thức thứ sáu tùy duyên hiện, chỉ nói thường khởi, khi khởi thì nhiều, vì năm thức ít khởi. Trong tụng có nói tùy duyên hiện. Ý của sư này, trong tụng này chỉ thuyết minh hành và bất hành của sáu thức thì nhọc gì đối với Thức thứ bảy và Thức thứ tám? Sư trước đối với Thức thứ bảy và Thức thứ tám giải thích trong nội môn và ngoại môn, không nên phỏng theo lý để làm nội môn, vì trái với Thức thứ sáu. Trong hai giải thích, giải thích thứ hai là thù thắng.

Từ đây trở xuống phần thứ hai là giải thích ba câu tụng dưới “trừ sinh Vô tướng thiên...”, trong đó phần đầu là hỏi, kế đó là đáp và sau cùng là liệtu giản.

Luận: “Năm vị là thế nào?”

Thuật rằng: Hỏi sinh trở xuống.

Luận: “Sinh vô tướng”.

Thuật rằng: Trong đáp có ba phần:

1. Nêu tụng đáp chung.
2. Giải thích riêng năm vị.
3. Tổng kết.

Nêu ba câu dưới trong bài tụng thứ hai để đáp câu hỏi, thuộc về đẳng ngôn.

Luận: “Vô tướng thiên”, đến “gọi là Vô tướng thiên”.

Thuật rằng: Từ đây xuống phần thứ hai giải thích riêng năm vị, trong đó có ba phần:

1. Giải thích Vô tướng thiên.
2. Giải thích hai định.
3. Giải thích hai vị thù miên và muộn tuyệt.

Trong văn Vô tướng thiên có năm đoạn, nghĩa thì có bảy:

1. Hiện được tên.
2. Diệt thức nhiều ít.
3. Tranh cãi hữu tâm và vô tâm trong một thời kỳ, đưa ra gồm thể và tánh.
4. Hiện xứ sở.
5. Hiện nhân của nó.

Đây là thứ nhất hiện được tên. Chán thô tướng, là ngoại đạo lấy thô tướng làm nhân của sinh tử, ở đây chán thiên về nó. Chỉ có tướng của sáu thức trước, không phải Thức thứ bảy và Thức thứ tám, cho nên nói thô tướng, vì tế tướng còn tồn tại, sinh vào cõi Thiên đó, sinh vào cõi trời Quảng quả của Thiên thứ tư, riêng có lầu cao thọ quả đó. Sáu thức trước gọi là bất hằng hành, vì niệm gián đoạn. Trái nghịch với bất hằng hành tâm và tâm sở. Hiện sáu Chuyển thức diệt thì hoàn toàn Bất hành, không giống như bất hành của Thức thứ bảy và Thức thứ tám. Nếu sáu thức đều diệt thì riêng một mình pháp nào gọi là Vô tướng? Tướng diệt làm đầu, đối với gia hạnh vị chỉ chán thiên về nó, cho nên nói làm đầu, đầu có nghĩa là đầu tiên, gọi là Vô tướng thiên.

Luận: “Cho nên sáu Chuyển thức”, đến “đối với nó đều diệt”.

Thuật rằng: Đây là diệt thứ hai đối với sáu thức. Thức thứ bảy và Thức thứ tám vi tế kia không thể biết cho nên không diệt. Tuy tổng nói sáu nhưng xa có ba gần thì có một.

Luận: “Có nghĩa chư Thiên kia”, đến “không có Chuyển thức”.

Thuật rằng: Từ đây xuống có ba giải thích một thời kỳ Hữu tâm và vô tâm. Đây là sơ thứ nhất, một thời kỳ sinh và tử đều không có sáu thức, cho nên nói thường không có, không phải ít có. Chữ “thường” có nghĩa là tất cả thời. Thánh giáo nói đó không có Chuyển thức, tức là Luận Đối Pháp, Luận Hiện Dương và Luận Ngũ Uẩn đều nói Vô tướng không có tâm. Trong đây cũng nói Ý thức thứ sáu sinh Vô tướng thiên rất ráo không khởi. Tuy không quyết định nói một thời kỳ không có

tâm, nhưng tổng nói sinh lên đó thì không có tâm của Thức thứ sáu, sinh và tử đều không có tâm. Nếu không như thế thì Luận đáng lẽ phân riêng trước và sau có tâm, khoảng giữa thì không có tâm.

Luận: “Nói nó chỉ có hữu sắc chi”.

Thuật rằng: Đó là ngôn ngữ trong Du-già quyển 10.

Hỏi: Đối với tất cả chỗ sinh, và trong Tam-ma-bát-đề đều có tất cả chi hiện hành có thể được hay không?

Đáp: Không thể được. Nói trong Vô tướng thiên, Diệt tận định và Vô tướng định chỉ có sắc chi có thể được, không phải Vô sắc chi sinh cõi Vô sắc, chỉ có Vô sắc chi có thể được, không phải hữu sắc chi. Đây là nương vào sáu thức, cho nên biết chỗ đó có một thời kỳ không có tâm.

Luận: “Lại nữa, nói đó là Vô tâm địa”.

Thuật rằng: Du-già quyển 13 ghi: “Có sáu chủng gọi là Vô tâm địa, là hai Vô tâm định, Vô tướng thiên, thù miên, muộn tuyệt và Vô dư Niết-bàn. Đã lấy cõi Thiên này làm ví dụ đồng với hai định để thuyết minh không phải Hữu tâm, khi không phải Hữu tâm thì gọi là hai định, lấy đây làm ví dụ để thuyết minh cũng không có. Sư này giải thích quyển 59 ghi: “Dị sinh lấy triền nhuận sinh”. Căn cứ theo phần nhiều mà nói thì không phải là tất cả. Như nói kiến đế lấy tùy miên thắm nhuần thêm, hai quả đầu lấy hiện hành thắm nhuần thêm, đây cũng như kia, không nên trình bày hỏi vặn. Lại nữa, giải thích quyển 56 ghi: “Sau tướng sinh thì liền từ đó diệt mất, tức là nói sau khi chết thì tâm tướng ban đầu chính là lúc sinh thân Trung hữu” nghĩa là tướng đã sinh tức là sau khi tướng sinh, đã chết rồi thì nhân tiện theo cõi Thiên đó mà diệt mất, cho nên không phải khi chưa diệt mất mà nói là nhân tiện, cho nên Dị sinh nhuần sinh chỉ có chủng tử, cũng như ngoại đạo này khi mạng chung.

Luận: “Có nghĩa Thiên kia”, đến “nhuần sinh ái”.

Thuật rằng: Dưới đây là sư thứ hai. Phần đầu sinh vô tâm đồng với sư trước nói. Khi sắp mạng chung thì phải khởi Chuyển thức thì mạng mới chung. Tại sao vậy? Quyển 56 ghi: “Dị sinh vì lấy triền và tùy miên nhuần sinh”, cho nên Luận Đối Pháp quyển 5 ghi: “Các dị sinh có chín thứ tâm nhuần sinh, chắc chắn là khởi hiện ái”.

Luận: “Luận Du-già nói”, đến “theo đó diệt mất”.

Thuật rằng: Luận Du-già quyển 56 ghi: “Luận kia nói rằng sau tướng sinh rồi thì các hữu tình theo cõi Thiên đó mà diệt mất”, cho nên biết sau cùng quyết định có khởi tâm, khi khởi tâm thì gọi là chánh sinh tướng, đến Trung hữu vị thì gọi là đã sinh rồi, khi đã sinh rồi thì liền

theo đó diệt mất. Quyển 59 ghi: “Dị sinh lấy hiện hành và chủng tử nhuận thêm cho nên chắc chắn phải khởi tâm”. Liền theo đó diệt mất, là chính tướng đó đã sinh rồi mới theo đó diệt mất, là ý này vậy. Không phải nhập thân Trung hữu mới bắt đầu khởi tâm. Trung hữu có tâm thì nhọc gì Luận kia phải nói?

Luận: “Nhưng nói nó không có”, đến “không phải nói toàn không”.

Thuật rằng: Dưới đây là tổng hợp các văn Luận. Luận Đối Pháp ghi: “Tâm bất hằng hành và chỗ diệt của tâm”. Không phải nói vị cuối cùng, nói rằng nó chỉ nương vào khoảng giữa mà nói, không phải cho rằng một thời kỳ hoàn toàn không có sáu thức. Đây là giải thích kiêm gồm chỉ có hữu sắc chi đã xong. Không phải cho rằng vị sau cùng không có ái chi, cho nên tuy cùng với Vô tâm định làm ví dụ.

Luận: “Có nghĩa khi sinh”, đến “nhuận sinh phiền não”.

Thuật rằng: Sư thứ ba nói hữu tâm cuối sau đồng giải thích thứ hai chỗ trái với Luận, cũng như Luận kia nói bắt đầu sinh mới có tâm, cùng với sư trước khác nhau. Đây là nói mới sinh cũng có thức, cũng là khi chết. Nhưng Thượng toạ bộ nói thân Trung hữu kia cũng không có tâm. E rằng điều này sư trước cũng kế chấp như vậy, cho nên nói thân Trung hữu cuối cùng có tâm, hữu sinh chi thuộc về Đại thừa. Tâm cuối cùng của thân Trung hữu kia phải khởi nhuận sinh phiền não, Vô tướng thiên cũng có tâm. Luận kia ghi: “Thân Trung hữu chỗ kia nhiếp”. Luận Đối Pháp quyển 5 ghi: “Tâm cuối cùng của thân Trung hữu cũng chỉ có nhiếp”. Nếu tranh cãi sinh cũng có tâm thì hiện tại tâm này làm lượng.

Luận: “Như ngoài vốn có sơ vị thì phải có Chuyển thức”.

Thuật rằng: Ý này nói cõi Thiên kia vị đầu tên vốn có thì phải có Chuyển thức khởi. Vị đầu tên vốn có trong cõi Thiên, như vị đầu tên vốn có của các cõi trời khác, Pháp nhĩ thọ sinh thì ban đầu phải có sáu thức. Đây không phải sinh ra có, mà là tại vị đầu tên vốn có, nhưng không phải tiếp theo là sinh hữu báo sau niệm thứ hai khi tâm của niệm thứ nhất vốn sẵn có. Nói rằng một thời kỳ bản hữu sinh phân ra ba vị. Vị thứ nhất gọi là Sơ vị, nếu không như thế thì niệm đầu tiên vốn có của noãn sinh không cần có Ý thức. Vô Tánh trong Nhiếp Luận quyển 3 cũng nói Sơ sinh có tâm, thế lực đồng với đây.

Luận: “Luận Du-già nói”, đến “theo đó diệt mất”.

Thuật rằng: Quyển 12 trong giải thích Vô tướng định nói: “Hoặc sinh nơi đó chỉ nhập bất khởi”, tức là chứng Sơ sinh có tâm, tướng của

nó nếu sinh theo đó thì bị diệt mất, tức là chứng Hữu tâm sắp diệt. Đã nêu ra vấn Luận rồi, kể đó nêu ra vấn nạn.

Luận: “Vị đầu tên vốn có kia”, đến “mới gọi là nhập”.

Thuật rằng: Vị đầu tên vốn có của cõi Thiên kia nếu không có Chuyển thức thì làm sao gọi là nhập? Phải trước có sau không mới gọi là nhập, không phải trước chưa có tâm mà nói nhập vô tâm. Trước đã nhập rồi thì mượn gì để nói nhập? Lại nữa, không phải cuối thân Trung hữu lại có thể khởi Báo tâm, khi Báo tâm diệt thì gọi là nhập vô tâm. Các Luận đều nói thân Trung hữu đó phải khởi ái nhuận sinh tâm.

Luận: “Quyết trạch phần nói”, đến “gọi là Vô tướng”.

Thuật rằng: Trong đây phân rõ báo thể gồm luôn hiển tánh. Quyển 53 giải thích Vô tướng thiên rằng: “Do nhân duyên này chỗ có diệt của sinh đặc tâm”. Câu này hiển nghĩa gì?

Luận: “Câu này hiển ý”, đến “nói tên Vô tướng”.

Thuật rằng: Đây là hiển Bốn hữu Sơ vị của Thiên kia, có sáu Chuyển thức báo tâm tạm khởi. Sức nhân duyên của Vô tâm định đã quen tập đời trước, cho nên sau không sinh tâm lại nữa. Do đây sinh được Báo tâm thứ sáu diệt. Khi dẫn khởi phần vị của Dị thực Vô ký vô tâm thì gọi đó là vô tâm báo, y chỉ bản thức. Chuyển thức này diệt thì phần vị sai biệt gọi tên là Vô tướng, như quyển 1 trước, tuy có hai giải thích, hiện tại căn cứ theo văn này, chỉ trên tâm thứ sáu diệt mà lập Vô tướng.

Luận: “Như thiện dẫn sinh hai định gọi là thiện”.

Thuật rằng: Đây là lấy ví dụ thành. Như hai thiện trước dẫn sinh chủng tử gọi là hai định. Hai định gọi là thiện tùy tâm năng dẫn, cho nên đây cũng là tùy sinh đặc Vô ký tâm diệt, quả của nó gọi là Vô ký.

Luận: “Không như thế thì Chuyển thức”, đến “Chuyển thức tạm khởi”.

Thuật rằng: Chỗ Chuyển thức kia ba tánh và Bất hành. Hoặc khi mới sinh tức là đã Bất hành. Như thế nào có thể nói chỉ có sinh đặc diệt? Nếu không phải chỉ có Vô ký thì ba tánh tâm sinh liền gọi là sinh đặc, đây vẫn là sơ sinh có tâm. Luận Đối Pháp quyển 4 ghi: “Sinh đặc Vô ký là Vô tướng báo, cho nên chỉ có Vô ký”. Vị đầu tên vốn có kia Chuyển thức tạm khởi. Tạm khởi là trong bốn thức khởi thức nào? Đây là chỉ nói Chuyển thức, không nêu riêng ra. Có nói cũng khởi nhãn, nhĩ... các thức, đây cũng như thế. Có nhân duyên gì đáng lẽ chỉ khởi thân thức và Thức thứ sáu? Vì thọ quả kia, tạm sinh liền diệt. Mượn pháp gì để khởi nhãn, nhĩ... các thức thấy sắc nghe thanh? Nghĩa tuy biết như thế, khởi

mới là thù thắng. Như Tát-bà-đa cũng thừa nhận có nhiều thời. Đây tuy thừa nhận có tâm, tức là hiển Báo thể và tánh tánh Vô ký.

Từ đây xuống là phần thứ tư xứ sở trói buộc địa.

Luận: “Thiên Kiến phần chỉ tại”, đến “Dị thực xứ”.

Thuật rằng: Đây là thọ Vô tướng xứ, Tĩnh lực thứ tư, đây là nói chung, tức là Thiên xứ thứ ba của phàm phu kia. Các Thiên xứ của cõi dưới, tướng của họ thô động khó diệt, vì có biến dị thọ chưa hết được. Hai cõi Thiên dưới Tĩnh lực thứ tự cũng như thế. Không phải là phàm phu bậc trung và hạ huân tập hữu sắc thân xứ thì có thể thọ vô tâm quả thù thắng, cõi dưới không thù thắng cho nên không thể sinh, không sinh nơi Ngũ tịnh cư và Vô sắc. Cõi trên không có thọ không có tướng Dị thực xứ, nghĩa là Ngũ tịnh cư chỉ có bậc Thánh ở, không phải chỗ sinh của ngoại đạo, vì ngoại đạo kia không biết. Không có sắc không có thân, không có tương tự lạc của Niết-bàn kia, vì thọ sắc thân quả xứ.

Luận: “Tức là năng dẫn phát”, đến “quả Dị thực”.

Thuật rằng: Từ đây xuống phần thứ năm nêu ra Báo nhân đó, như quyển 1 trước đã giải thích. Nhưng đây tức là định trước có năng dẫn Vô tướng định, tư có thể chiêu cảm quả đó, tức là hiển một tư chiêu cảm tổng báo và biệt báo, đồng với Luận Du-già quyển 56 nói. Lại nữa, giải thích tức là năng dẫn định tư, đến khi vô tâm vị làm định, chiêu Biệt báo Dị thực thứ sáu kia, minh lợi tư trước có thể cảm tổng báo, hai nhân quả riêng của hữu tâm và vô tâm. Lại nữa, giải thích này nói tâm vi tế chiêu cảm biệt quả, hoặc tâm vi tế minh lợi trước chiêu tổng quả thì thuyết trước thừa nhận một tư chiêu hai quả, cũng đắc Hữu tâm báo và Vô tâm báo. Một nghiệp cũng còn đắc sắc báo và Phi sắc báo, vì lý không ngăn ngại. Giải thích sau hai nghiệp mỗi mỗi đều khác. Dục hiển nhân của định chiêu cảm biệt báo, minh lợi tư trước chiêu cảm tổng báo. Đây là tổng hợp các lời nói trước thì chỉ có Hữu sắc chi, đây là căn cứ theo sáu thức trung gian nhiều thời bất hành, không phải gọi là tám thức. Nếu nói rằng một thời kỳ này đồng với Tiểu thừa thì khi mạng đã hết họ sẽ sinh vào xứ nào? Đại thừa không có vấn, Câu-xá Luận ghi: “Nếu theo đó diệt mất thì sinh nơi cõi Dục”. Trước hết thế lực của hạnh tu định hết, không được sinh về tự xứ kia và Đệ tam thiên của cõi dưới, không tạo nhân ba định của cõi dưới và thế lực trước không có, đối với đây không thể tu định được nữa, cho nên không sinh Địa trên. Như mũi tên bắn lên không trung, lực hết thì liền rơi xuống. Hữu tình sinh cõi kia phải có cõi Dục thuận sau khi thọ nghiệp. Như người sinh về Bắc Câu-lô châu, nghiệp sau khi sinh Thiên, nghĩa này có ý nói, do trước kia khi ở tại

đây tu định, định hiện tiền thì tạo tác thiện nghiệp trong cõi Dục, hoặc hủy báng Thích chủng Niết-bàn, phải sinh vào cõi Dục. Hiện tại ở đây không đồng, Luận kia chỉ có sinh báo, có thể nói đây thông với hậu báo, vì sao phải có cõi Dục thuận sau khi thọ nghiệp? Do đó có thể biết sinh cõi kia đã thông với sinh báo, Hậu báo và bất định báo. Thuyết minh mạng đã hết rồi sinh xuống ba định cõi dưới và cõi Dục, đều không có lỗi. Nhưng không sinh cõi trên chưa từng tu tập, sinh trong định kia, ba Thiên xứ của cõi dưới cũng không có lỗi.

Luận: “Cùng với vô tâm”, đến “cho nên gọi là vô tâm”.

Thuật rằng: Từ đây xuống là phần thứ hai giải thích hai Vô tâm định. Trong đó phần đầu là giải thích chung, phần sau là giải thích riêng. Đây là chung. Giải thích câu tụng thứ ba và hai Vô tâm định. Nói vô tâm là thông bốn vị cõi dưới, thù miên của nó đều thông với Hữu tâm, cho nên nói vô tâm là để lựa riêng với nó. Tuy đoạn văn một câu, nhưng trước hết giải thích hai định, văn dần thuận tiện. Bốn vị đều không có sáu thức cho nên gọi là vô tâm, không nói chỉ đối với vô tâm của Vô tưởng thiên, cho nên biết hai định vô tâm. Nhưng Luận kia chỉ có một xứ, không có pháp tướng giống nhau cho nên không nói vô tâm. Đây là bốn vị cõi dưới có tràn lan Hữu tâm cho nên phải lựa riêng.

Từ đây xuống giải thích riêng hai định làm phần.

Luận: “Vô tưởng định”, đến “cho nên cũng gọi là định”.

Thuật rằng: Dưới đây là giải thích riêng. Văn tuy phân sáu nghĩa, có mười một đoạn. Dị sinh, một là hiển bị người và Thánh chán nó. Biến tịnh, là Thiền thiên thứ ba. Từ Thiền thiên thứ tư trở lên, tham cũng chưa chiết phục, hai là hiển lia dục. Xuất ly tưởng, ba là hiển hành tướng, tức là khởi Niết-bàn tưởng. Bất hằng hành diệt, bốn là hiển chỗ diệt thức nhiều hay ít. Tưởng diệt làm đầu, năm là giải thích tên của định, nói rằng Hữu tâm định khiến cho thân và tâm bình đẳng gọi là an, di duyệt gọi là hòa. Vô tâm định này do tâm lực của định trước khiến cho thân bình đẳng và hòa duyệt như Hữu tâm định, cũng gọi là định, nghĩa cùng với Luận kia đồng. Thể này như quyển 1 trước nói, nương trên hai mươi hai pháp diệt kia mà giả lập. Tổng trên là đoạn văn thứ nhất, có năm nghĩa.

Hỏi: Làm thế nào để chiết phục nhiễm mà nhập định?

Đáp: Luận Du-già quyển 12 ghi: “Hỏi: dùng phương tiện gì để nhập Đăng chí?”

Đáp: Quán tưởng như bệnh, như ung nhọt, như mũi tên. Nhập định thứ tư tu chán bỏ tưởng và tác ý, trong chỗ sinh khởi các thứ tưởng, chán

bỏ nó mà trụ, chỉ có Vô tướng tịch tịnh vi diệu. Trong Vô tướng trì tâm mà trụ, như vậy dần dần lìa các sở duyên, tâm liền tịch tịnh”. Luận Hiển Dương quyển 1 cũng nói như vậy, tức là lấy sáu hạnh chiết phục pháp của Hoặc để nhập định này. Trong đây giải thích tên như Số của quyển 2, không đồng với Câu-xá nói “hoặc không có tướng mà định, hoặc định mà không có tướng, gọi là Vô tướng định”.

Luận: “Tu tập định này”, đến “định sẽ ở trong cõi Thiên”.

Thuật rằng: Dưới đây là đoạn văn thứ hai, nghĩa thứ sáu. Ba phẩm tu khác nhau. Cõi dưới tu thì phải thoái chuyển, không thể nhanh chóng hiện tiền, khi có thì mạng chung. Luận cõi dưới nói: “Vì thông với Hậu báo, hoặc không bị mạng chung mà lại được đắc định, dó thừa nhận có thoái chuyển và tiến rồi trở lại đắc”. Sau sinh cõi Thiên kia không quang tịnh lắm, hình sắc không rộng lớn lắm, không có lời nào thông với cõi dưới, định sẽ ở trong cõi Thiên không đầy năm trăm kiếp. Quả này tuy thọ năm trăm kiếp trở lại nhưng vẫn phẩm này nhiếp, ít phần kiếp là phẩm này nhiếp.

Hỏi: Nếu đã thoái chuyển rồi sinh lại cõi Sắc, mới đắc định lại. Khi người kia sinh có quang tịnh hay không?

Đáp: Nào bằng phẩm này nhiếp ở trước, vì tánh thoái chuyển là tánh thấp kém.

Luận: “Trung phẩm tu hành”, đến “mà không quyết định”.

Thuật rằng: Người Trung phẩm tu hành thì cùng với phẩm trước có chút ít khác nhau, văn đó có thể hiểu. Hiện tại không phải thoái chuyển, chư Thiên trung phẩm bất định, nếu chư Thiên trung phẩm lượng hình sắc khác nhau thì ở đây có hai giải thích:

1. Căn cứ theo lượng hình sắc cùng với phẩm trước khác nhau, tuy thọ lượng ít hơn phẩm trước, nhưng vẫn phẩm này nhiếp.

2. Hoặc phần nhiều thọ mạng, là phẩm này nhiếp.

Luận: “Thượng phẩm tu hành”, đến “sau mới tan mất”.

Thuật rằng: Văn đó có thể biết, nhưng phỏng theo khi tu, và quả tương lai dùng để phân rõ ba phẩm. Đây là phỏng theo ba căn làm ba pháp không lỗi. Hoặc căn bất định, nhưng tu hành thì có ba, như quyển 53 nói ba phẩm tu đồng nhau, nhưng thọ quả này thông với đứng, ngồi nằm, chỉ có người vô hành thì nhân tu như thế.

Luận: “Định này chỉ thuộc Tĩnh lực thứ tư”.

Thuật rằng: Từ đây xuống là đoạn văn thứ ba, Địa trới buộc thứ bảy. Định thứ tư kia là Phương tiện dẫn, cho nên chỉ có trới buộc kia nhiếp. Tại sao chỉ tại Tĩnh lực thứ tư? Nói nguyên nhân của quả này, tức

là nói nguyên nhân của định, như trước đã nói. Lại như Tỳ-bà-sa quyển 152 có hai nghĩa rộng lớn định nương Địa.

Luận: “Lại nữa, chỉ là Thức thứ bảy”, đến “do trước nói”.

Thuật rằng: Đây là nghĩa thứ tám trong đoạn thứ ba. Thức thứ bảy do định dẫn cho nên chỉ có thiện, không phải tại Địa trên và Địa dưới, cùng với tiền báo nói nghĩa đồng. Đây là giải thích chỉ thuộc nhân của định thứ tư.

Luận: “Bốn nghiệp thông ba trừ thuận hiện thọ”.

Thuật rằng: Đây là đoạn văn thứ bốn nghĩa thứ chín. Bốn nghiệp phân riêng, Luận Hiển Dương lập nghiệp thứ năm. Bốn nghiệp trong đây đồng với Luận Đối Pháp, Luận kia căn cứ theo biệt nghĩa, cũng không có lỗi tương vi. Trong bất định, khi báo thì định và bất định riêng xuất hiện, thông với Hậu báo, sau khi khởi cõi Sắc mới thọ báo này, các Địa trùng sinh sau đó đặc không lỗi, vì không có văn trái ngược. Xứ thì không như thế, định của cõi Dục trước là báo gì? Nếu cõi Dục thoái chuyển thì tất cả định đều gọi là Bất đặc, tức là khi mạng chung thì báo này không thọ cho nên gọi là bất định báo. Đã nói thông với thoái chuyển thì cùng với Tiểu thừa khác nhau, cho nên Báo cũng khác.

Luận: “Có nghĩa định này”, đến “rất nhanh mạnh”.

Thuật rằng: Đây là đoạn văn thứ năm, nghĩa thứ mười khởi giới và Địa, có nghĩa tuy thông với Hậu báo, nhưng chỉ có cõi Dục khởi. Cõi trên không có lực thuyết pháp của ngoại đạo, tuệ giải không bằng nhân loại. Thuyết minh sáu Thiên cũng không khởi, sư này giả sử cõi trên không khởi thì cũng thành Hậu báo, vì cõi Dục thoái chuyển lại đặc định trở lại. Hoặc thoái chuyển đã sinh xuống ba định rồi thì không thể khởi, vì không có ngoại duyên, và tuệ giải yếu. Quyển 56 ghi: “Trước hết ở đây khởi, sau đó thọ báo nơi cõi Sắc”. Không nói sau đó đối với cõi Sắc khởi định.

Luận: “Có nghĩa cõi Dục”, đến “cứu cánh”.

Thuật rằng: Đây là nghĩa thứ hai. Cõi Dục tu trước, cõi Sắc trừ thọ quả xứ ra còn lại tất cả Địa dưới. Hoặc tất cả xứ đều có thể dẫn lại hiện tiền. Luận Du-già quyển 56 ghi: “Trước hết đối với đây khởi”. Trước tiên là khởi định này, sau đó đối với cõi Sắc, là sau đó khởi định này. Đối với Tĩnh lực thứ tư, sắp thọ quả kia thì phải xuất khỏi thọ quả xứ, tức là sau đó thọ nơi cõi Sắc. Hai sư dẫn khác nhau. Sư trước thì thuộc quả, sư sau thì thuộc định, cho nên cả hai đều có tranh cãi, nhưng đã thông với Hậu báo, tức là cõi Sắc hiện tiền trở lại là thù thắng. Sư trước nói: “Cõi Dục hiện tại sinh thoái chuyển, sau sinh đặc lại thì không thoái

chuyển định trước, tức là tên Hậu báo, đầu nhọc gì sinh nó”, cho nên hai lực bằng nhau. Sự khởi sau thì không đối với Thiên xứ kia, vì đến cứu cánh. Ba xứ trong định thứ tư là khởi và bất khởi. Hiện tại Luận này nói trừ Vô tướng thiên, không ngăn trách các xứ khác cho nên được khởi. Tuy biết sự lia nhiễm thì các Địa đều như thế, nhưng do huân tập tu hành sinh các xứ cõi trên mỗi mỗi đều bất đồng, do đó ba xứ dưới cũng được định này. Lại nữa, giải thích xứ dưới bất đắc, lia nhiễm thì bằng nhau, hoặc khởi nhiễm định của cõi dưới không sinh Thiên thứ tư, hoặc lia nhiễm cõi dưới thì liền đắc định kia, cho nên Thiên xứ cõi dưới không có nghĩa đắc định, vì thoái chuyển định này thì chắc chắn là khởi nhiễm cõi dưới. Nếu không như thế thì tại sao gọi là thoái chuyển!

Luận: “Đây là do chán tướng”, đến “không phải chỗ khởi của Thánh”.

Thuật rằng: Dưới đây là đoạn văn thứ sáu, nghĩa thứ mười một lậu và Vô lậu. Tuy nói phạm thánh, nhưng văn đoạn đầu đã nói Dị sinh, lại không có môn khác. Tại sao chỉ có Hữu lậu không thông với Vô lậu? Chán tướng và ưa thích quả Vô tướng kia mà nhập vào định này, tức là sáu hạnh có chỗ ưa và chán, không phải như Diệt định làm ngưng dứt các tướng, tuy chán mà không có quả để ưa, cho nên chỉ có Vô lậu. Quyển 53 ghi: “Vì Vô tướng định không có tuệ hiện hành, trên đây có thắng trụ và sinh, không thể chứng đắc chỗ chưa chứng đắc các thiện pháp thù thắng, do đó để lại chỗ giả dối ương ngạnh, không phải chỗ nhập của bậc Thánh. Quyển 62 ghi: “Vô tướng Đẳng chí chỉ có Hữu lậu”, đến nói rộng. Câu-xá Luận ghi: “Bậc Thánh không chấp Hữu lậu làm chân Niết-bàn”. Trong đây căn cứ theo Luận kia cho nên chỉ có Hữu lậu, không phải chỗ khởi của Thánh. Đã từng đắc hoặc chưa từng đắc gia hạnh lia nhiễm, đều như Đối Pháp sao quyển 2 giải thích.

Luận: “Diệt tận định”, đến “cho nên cũng gọi là định”.

Thuật rằng: Đây là đoạn văn thứ hai trong thuyết minh hai Vô tâm định, tức là vị thứ ba trong vô tâm. Văn tuy có sáu, nghĩa có mười một. Thứ nhất là đắc nhân là Hữu học hoặc Vô học. Quyển 53 ghi: “Tức là lựa riêng với Nhị thừa không phải cùng giải thoát, vì không được nhập”. Trong đây Độc giác cũng có bất đắc Diệt định hay không? Vì nghĩa hiện tại căn cứ theo văn này, cho nên có Độc giác không được Diệt định, tức là trong bộ hạnh, cho đến cũng có không được thông. Độc nhất thì chắc chắn là đắc. Bậc thánh Hữu học trừ ra hai quả đầu, chỉ có thân chứng Bất hoàn, vì trong Hữu học có Dị sinh. Lấy Thánh nói để lựa riêng với đắc thứ hai nguyên nhân sai biệt của phục và đoạn, đã phục rồi thì hoặc

là lìa vô sở hữu tham. Tham của cõi trên là bất định, hoặc cõi trên hoặc cõi dưới đều có phục và đoạn. Như sau đây sẽ phân rõ. Vì Diệt định chỉ nương Phi tướng định mà khởi. Ở đây là nương bước đầu tu Nhị thừa là lìa, Bồ-tát không chiết phục lìa tham. Thứ ba cùng với trước xuất ly tướng riêng và chỗ diệt thức. Chỉ tức tướng, là Nhị thừa chán lo sáu thức Hữu lậu lao nhọc lo lắng, hoặc thân cận với tâm Vô lậu thô động. Hoặc Bồ-tát cũng muốn phát sinh vô tâm tịch tịnh tương tự công đức Niết-bàn cho nên khởi. Thứ tư diệt thức nhiều hay ít, khiến cho Bất hằng hành và Hằng hành nhiếp. Nói rằng hoặc Nhị thừa liền trừ nhiễm ô của Nhân không thì Bồ-tát cũng trừ nhiễm ô của Pháp không. Mỗi mỗi đều mong tự Thừa mà nói là nhiếp. Luận Đối Pháp quyển 2, Luận Ngũ Uẩn nói hằng hành một phần hoặc nói Thức thứ bảy chỉ có Hữu lậu, chỉ có nhân chấp, tức là Thức thứ bảy hoàn toàn Bất hành. Mong Thức thứ tám là một phần, tức là lấy văn này làm chứng chỉ có Hữu lậu, hoặc nói có pháp chấp. Nhị thừa trừ Nhân không một phần, Bồ-tát thì trừ cả hai, nhưng không phải hoàn toàn không có Thức thứ bảy. Tên của định đồng với trước. Thứ năm là giải thích tên.

Luận: “Do chán thiên về thọ tướng cũng gọi là Diệt định của nó”.

Thuật rằng: Tâm và tâm sở kia diệt gọi là Diệt định, là diệt tâm hằng hành nhiễm ô, cũng gọi là Diệt thọ tướng định. Nghĩa lấy định này hoặc thật tổng diệt làm Luận, tức là Diệt tận định, hoặc theo chủ đặt tên gọi là Vô tâm định. Thuyết trước thì thông theo tên của tâm tâm sở, hoặc căn cứ theo tên gọi riêng mạnh mẽ của chỗ chán thì như trong đây nói là Diệt thọ tướng định, vì nghĩa của tu thiên và Vô sắc mỗi mỗi đều thù thắng, như lập riêng uẩn cho nên chán thiên về nó. Lại nữa, vì thọ là căn làm đầu, những pháp còn lại là căn cũng diệt, vì tướng không phải căn pháp làm đầu, những pháp còn lại không phải căn pháp cũng diệt, như vậy là Đẳng vô lượng môn. Lại nữa, giải thích Nhị thừa và Địa thứ bảy trở về trước quán riêng. Tu thiên và Vô sắc mỗi mỗi đều có thù thắng thiên lệch, phải chán riêng nó mới có thể gọi là Diệt thọ tướng định. Bồ-tát Tự tại và Như Lai không có Thức thứ sáu Hữu lậu, không có nhọc lo tu thiên và Vô sắc thì nhọc gì phải thiên chán nó? Một là do tâm hành mà lấy được tên Diệt thọ tướng định. Hai là do bên trong ngưng dứt cho nên nhập, gọi chung là Vô tâm định.

Luận: “Tu tập định này”, đến “tất cánh bất thoái”.

Thuật rằng: Từ đây xuống là đoạn văn thứ hai, nghĩa thứ sáu, phân rõ ba phẩm tu hành. Định này có ba phẩm như quyển 53 nói. Diệt định

thừa nhận thoái chuyển, chỉ có hiện khởi bất thành, sau sinh cõi Sắc có thể hiện khởi lại. Cứ theo Vô tướng định mà nói, cõi dưới tu thoái chuyển cũng như thế, cũng có hiện khởi tức là bất thành.

Hỏi: Nếu hạ phẩm thoái chuyển năng dẫn hiện tiền, cùng với người trung phẩm thoái chuyển năng dẫn hiện tiền, có gì riêng khác? Lại nữa, trung phẩm không cần thoái chuyển, cùng với bậc thượng phẩm tu hành có gì riêng khác?

Đáp: Vì khi tu tập có ba phẩm thượng, trung, hạ. Tánh loại của định này là chủng loại Khả thoái và Bất khả thoái, chắc chắn là Năng dẫn hiện tiền chủng loại, không thể hiện tiền chủng loại có khác, không phải lấy căn thượng trung hạ mà nói có ba phẩm, vì không phế bỏ trung căn tu lên thượng phẩm và thượng căn xuống trung phẩm. Lại nữa, giải thích này là lấy căn của ba phẩm làm ba phẩm tu, vì căn riêng khác cho nên tu phẩm của nó cũng khác. Nếu luyện căn rồi mới tu tập, tức là chuyển thành thắng phẩm, cho nên có sai biệt.

Luận: “Định này mới tu”, đến “ở sau cùng”.

Thuật rằng: Từ đây xuống là đoạn văn thứ ba, nghĩa thứ bảy. Mới tu nương vào Địa nào mà khởi? Ban đầu phải nương Hữu đẳng Du quán Vô lậu làm gia hạnh nhập sơ tu, tức là Nhị thừa và Địa thứ bảy trở về trước. Luận Du-già quyển 12 ghi: “Chỉ trừ Như Lai và Đại Bồ-tát ra khỏi tăng-kỳ thứ hai, ngoài ra thì không thể siêu vượt các Đẳng chí. Phật đều tùy dục đều nhập, cho nên biết Nhị thừa gọi là chưa tự tại, chỉ có đặc tâm Vô sở hữu xứ, sau đó siêu nhập một Địa vô lậu. Luận Hiển Dương cũng đồng. Nói “Du quán”, là vô phân biệt trí làm gia hạnh tâm. Luận Du-già quyển 12 ghi: “Hoặc nương Phi tướng phi phi tướng mà nhập định này, hoặc nương diệt tận tướng mà nhập định này”. Luận Thành Nghiệp dẫn kinh Ma-ha-câu -sắc-sĩ-lậu có hai nhân duyên có thể nhập định này, là Bất tư duy tất cả tướng và Chánh tư duy vô tướng giới cho nên nhập định này. Là có Chánh tư duy vô tướng giới định cho nên sợ lạm dụng vô phân biệt trí. Chữ “Du quán” là nói để lựa riêng. Tại sao chỉ nương vào Phi tướng? Lần lượt trong định thì nó ở sau cùng, vì chán tâm của định này, tâm rất vi tế mới nhập được. Ngoài ra tâm các Địa dưới thô không thể làm hành tướng này, cho nên nương vào Phi tướng, lần lượt trong định từ thô đến tế ở sau cùng. Lại nữa, vô tâm Thắng định này, vì Hạ phẩm có tâm Thắng định làm đầu, không phải vô tâm Thắng định làm đầu, khởi sau Hữu tâm định. Vô tâm chắc chắn do Hữu tâm dẫn sinh, cũng không phải trung gian gián đoạn khởi. Trở xuống là định hành tướng, không nhỏ nhiệm lắm, tức là lần lượt trong định, nghĩa lý ở

sau cùng. Lại nữa, giáo nói là ở sau cùng. Nói nhỏ nhiệm là niệm tâm thứ hai trước định. Tế đối với tâm trước cho nên gọi đó là nhỏ. Sau niệm thứ nhất khi tâm bắt đầu nhập định, lại tế đối với tâm nhỏ trước cho nên gọi là nhỏ nhiệm. Nghĩa thứ tám là Vô lậu phân biệt.

Luận: “Tuy thuộc Hữu đẳng nhưng thuộc về Vô lậu”.

Thuật rằng: Vì Vô lậu dẫn thể, tức là Vô lậu chủng. Quyển 62 ghi: “Diệt tận Đẳng chí nên gọi là Vô lậu”. Vì cùng với phiền não không tương ưng, không phải tương ưng, không có sở duyên, không phải phiền não sinh, là xuất thế gian, Di sinh không thể hành.

Luận: “Hoặc tu định này”, đến “cũng được hiện tiền”.

Thuật rằng: Trước nói sơ tu chỉ nương vào Phi tưởng, hậu tu thì thế nào? Nếu người đắc định này rồi tự tại, còn lại tâm hạ phẩm và Địa thứ bảy cũng được hiện tiền, tức là Đại Bát-nhã kinh quyển 1, hội thứ 350 ghi: “Lần lượt nhập xuất các định tên là sư tử hống thân định. Hoặc Bồ-tát siêu thiền từ tất cả Địa tâm nhập Diệt tận định, từ Diệt tận định đối với tất cả Địa tâm mà xuất, là tụ tập và phân tán Tam-ma-địa. Hội thứ hai và hội thứ ba cũng có văn này. Luận Đối Pháp quyển 5 ghi: “Người chưa tự tại chỉ siêu một khoảng, nếu đắc tự tại thì siêu tất cả Địa”. Luận Hiển Dương quyển 18 ghi: “Hoặc tụ tổng hợp tập quán có thể từ cõi Dục nhập cõi Vô sắc tâm”, cho nên biết cõi Dục tâm sau đó siêu việt nhập vào định này. Chính Luận Du-già quyển 12 ghi: “Chỉ có người tự tại mới siêu tất cả Đẳng chí”, tức là chín Đẳng chí. Nói Như Lai và Bồ-tát thật ra không có cõi Dục tâm, có tự cõi Dục tâm, nhưng thật ra là Vô lậu. Tùy tại định nào mà làm gia hạnh đều có thể nhập? Lại từ cực tự tại, thuần Vô lậu làm ngôn ngữ. Thật ra Bồ-tát Thập địa, Thanh văn học rộng nghe nhiều và Độc giác cũng đắc. Như nghe âm thanh trong định, từ Vô sở hữu xứ tâm nhập cõi Dục, nếu không như thế thì liền trái nghịch.

Hỏi: Nếu đã như thế thì đây là gia hạnh tâm địa pháp hay là chỉ có Phi tưởng tâm địa pháp?

Đáp: Nếu cứ theo nghĩa này tức là tùy gia hạnh tâm địa pháp, tức là Sơ định lập ra có định này, nương trên gia hạnh tâm chủng mà lập định này. Nếu không như thế thì Luận Đối Pháp quyển 13 ghi: “Tưởng thọ diệt giải thoát”, là nương vào Phi tưởng xứ giải thoát, cho nên biết chỉ thuộc Phi tưởng. Trong đây cũng nói thuộc Hữu đẳng.

Hỏi: Nếu như thế thì sao gọi là siêu Đẳng chí?

Đáp: Điều này có hai giải thích:

1. Thứ nhất là trước đã khởi các tâm Sơ thiền rồi, sau đó một hai

niệm khởi Phi tướng xứ tâm mà nhập định này. Không phải từ Sơ định mà nhập vô tâm, vì định tùy theo gia hạnh tâm mà kiến lập.

2. Thứ hai là tuy khởi các Địa tâm lân cận khác thì liền nhập định này. Định này vẫn là Phi tướng địa làm chỗ nương vì cực vi tế. Do trước đã quen tập cho nên nay thẳng đến vô tâm. Phi tướng là chỗ y thì không cần khởi Phi tướng tâm làm gia hạnh. Luận nói từ trên tâm chủng nhỏ nhiệm mà lập là sơ khởi. Phần nhiều không phải phỏng theo siêu định, nói siêu Đẳng chí tức là từ Sơ định mà nhập vô tâm, không nói nhập Phi tướng rồi mới nhập định này. Nếu không như thế thì sở y của định này chỉ nương gia hạnh chủng, vì gia hạnh đã là Sơ định. Định này thông với Địa hữu cõi dưới, đã không thừa nhận như thế mà vẫn nói siêu. Giải thích sau là thù thắng. Đại Bát-nhã không nói từ Sơ định lại khởi Phi tướng tâm Vô lậu mới nhập. Kinh Luận đều nói Diệt tận nương Phi tướng, không nói nương Địa cõi dưới. Nói nương trên gia hạnh tâm mà kiến lập, là nói không phải tự tại lần lượt nhập, vì tâm Vô lậu có sở thuộc, vì tâm tế kia. Đặc tự tại là không mượn sự huân tập và không có huân tập thì đâu cần gì nương nhập trên chủng tử mà lập định tâm? Có thuyết nói Đại Bát-nhã quyển 15, trong Tĩnh lự, Phật quở trách Bồ-tát nhập Diệt định. Diệt định không phải hạnh lợi tha. Nếu chưa tự tại mà tuy có nhập, đến khi tự tại đều không khiến cho nhập, chỉ có tự tại thành tựu gọi là siêu tất cả. Hoặc quở trách chuyên nhập, khi không chướng nhập, Phật không khởi Diệt định mà hiện oai nghi.

Luận: “Tuy thuộc Đạo đế”, đến “tợ Niết-bàn”.

Thuật rằng: Đây là đoạn văn thứ tư, nghĩa thứ chín, phân riêng ba học. Chỗ nói trước có làm thiện pháp tại thân học và thân Vô học, tức là tên Học và Vô học. Diệt định thật ra từ hiện hành là Học và Vô học, vì tợ Niết-bàn thì không có tiến thú và dừng dứt hiện hành, không thể nói là Hữu học và Vô học, là Phi học và Phi vô học. Tuy thuộc Đạo đế đồng với các Hữu vi khác, vì tợ Niết-bàn cho nên không phải hai thứ đó, không đồng với các chủng tử khác, vì nó không phải dừng dứt. Quyển 62 nói chính là đồng với đây, quyển đó ghi: “Vì không phải sở hành, vì tợ Niết-bàn, không phải chỗ nhiếp của hai thứ”. Nhưng trong đó không có tiến thú và dừng dứt, không đồng với thiện thân nghiệp cũng là học. Do nghĩa này cho nên không phải hai thứ thông với Hữu vi và Vô vi. Trong Hữu vi thông với Hữu lậu và Vô lậu. Diệt định Hữu vi Vô lậu không phải hai thứ nhiếp. Trong Hữu học và Vô học, thông với Hữu lậu Vô lậu vì khổ, ưu căn là Học và Vô học.

Luận: “Định này khổ căn và ưu căn khởi”, đến “rất nhanh mạnh”.

Thuật rằng: Đây là đoạn văn thứ năm, nghĩa thứ mười, ba cõi mới khởi. Chỉ ở trong cõi người, Phật và đệ tử nói lực khởi, cõi trên không có thuyết này. Lại nữa, tuy không có đệ tử xuất gia, đệ tử Thế tục cũng là cõi Sắc hữu, vì tuệ giải trong nhân loại rất nhanh mạnh hơn cõi trên, cho nên sơ khởi vị thì ở tại nhân loại. Văn cũng không có nói trong Lục dục thiên, nghĩa thì không trái nghịch. Trong cõi Thiên lẽ nào không có thân thể, trong đó lại nói gần với nhân loại, vì thù thắng, văn do chưa hết. Luận Đối Pháp quyển 9 đồng với đây.

Luận: “Sau hai cõi trên”, đến “ý thành cõi Thiên”.

Thuật rằng: Hoặc sau hai cõi cũng được hiện tiền, tức là hai cõi được khởi sau, nhưng không có cõi Dục khởi sau, vì phải bậc Bất hoàn mới đắc. Quyển 56 ghi: “Khởi là ở đây khởi trước hết, sau đó ở cõi Sắc lại hiện trước mắt, gá vào sở y của sắc mới được sinh. Đây là căn cứ theo chưa kiến lập nghĩa của Thức thứ tám. Nếu đã kiến lập Thức thứ tám rồi thì đối với tất cả xứ đều đắc. Đây là căn cứ theo đã kiến lập Thức thứ tám giáo, vì chân thật nghĩa đã kiến lập. Kinh Ô-đà-di là làm chứng này. Như Câu-xá quyển 5 nói rộng. Ô-đà-di, ở đây có nghĩa là xuất hiện, khi mặt trời mọc thì sinh cho nên lấy đó làm tên. Nói ý thành cõi Thiên tức là siêu đoạn thực. Phật nói là cõi Sắc thì không phải như thế, vì đã siêu đoạn thực thì tùy thọ một xứ ý thành thân của cõi Thiên có thể nhập hoặc xuất định này, cho nên biết thông với Vô sắc. Kinh không ngăn trách họ nói tùy theo một. Người giải thích kinh này, Xá-lợi-tử nói có thoái chuyển là cõi Sắc khởi sau, xuất hiện không rõ ràng câu nói “ý thành cõi Thiên” gọi là Phi tướng, nhưng kia không biết có Thức thứ tám. Sinh Phi tướng xứ không thể khởi sau định này. Cùng với Thượng toạ Luận nghị, Phật biết họ không rõ Xá-lợi-tử nói cho nên bị quả trách. Không phải ngăn trách Vô sắc được nhập định này, như Tỳ-bà-sa quyển 153 thuyết minh lý do đó.

Hỏi: Người sinh Vô sắc là tất cả đều có thể nhập hay có người không thể nhập? Luận đáp..

Luận: “Đối với tạng thức giáo”, đến “không đoạn diệt”.

Thuật rằng: Đối với Thức thứ tám nếu chưa tín thọ thì không khởi sinh cõi kia. sợ rằng Vô sắc trở về sau không có tâm thành đoạn diệt cho nên đồng với Vô dư y. Nếu đã tín thọ sinh kia thì không những đối với cõi dưới được khởi, cũng được đối với cõi đó hiện khởi định này. Biết có tạng thức tuy không có sắc thân không đoạn tư lự. Trước đã dẫn quyển 56 và Luận Đối Pháp quyển 10 chính đồng với đây. Nhưng các sư xưa nói: “Chưa kiến lập giáo tức là Tiểu thừa nói, đã kiến lập

là Đại thừa nói”, điều này không đúng. Nếu Đại thừa nói đối với Nhị thừa kia kiến lập Thức thứ tám thì đã không biết có thức này, nếu sinh Vô sắc thì lẽ nào không đoạn tư lự, cho nên biết người kiến lập là tin có nghĩa, người không kiến lập là không tin có nghĩa. Đây cùng với Luận kia đồng.

Hỏi: Như thế thì những người đắc định này thì chắc chắn là từ Bất hoàn trở đi?

Đáp: Bậc Thánh sinh Vô sắc, chắc chắn không phải là bậc Thánh bất định tánh, mà là định tánh nhân. Bậc Thánh không sinh xuống, nếu không phải là người bất định, căn đời trước chín muồi thì Phật không cứu. Cũng không phải người bất định tánh căn lớn chưa chín muồi thì không nhập Vô dư. Nghĩa như quyển 80 Vô dư y Địa nói, cùng với người định tánh có gì riêng khác, tức là người định tánh kia làm sao tin có Thức thứ tám này? Bồ-tát cũng không sinh kia, hoặc tin Đại thừa thì không phải định tánh, không nên sinh đó.

Hỏi: Nếu là định tánh thì thế nào tin có?

Đáp: Tức là trong định tánh có hạng người ngu pháp không tin Đại thừa, cho nên định kia không khởi. Hoặc không có ngu pháp Thanh văn, không tin Đại thừa, không sắp trở thành cứu cánh, do tin có cho nên họ khởi định này. Không làm cứu cánh cho nên Thánh nhân sinh định đó. Như hiện tại Đại thừa tin Tiểu thừa giáo, hoặc ý văn này cùng với quyển 56 khác nhau. Đây là căn cứ theo bậc Thánh một phần, không phải nói tất cả đều như thế. Người không nghe Đại thừa, sinh quyết định không khởi định này. Nhưng Luận Đối Pháp quyển 10 ghi: “Nói Vô sắc phần nhiều an trụ tịch tịnh Dị thực cho nên không nhập định này, không phải như cõi dưới”. Lại làm giải thích thứ hai, phỏng theo thật thì cũng được Du-già làm thù thắng.

Luận: “Phải đoạn ba cõi”, đến “chỗ dẫn phát”.

Thuật rằng: Đây là đoạn văn thứ sáu, nghĩa thứ mười một. Văn dưới có hai phần:

1. Thuyết minh Kiến hoặc.
2. Thuyết minh Tu hoặc.

Đây là phần đầu. Phải đoạn phiền não nào để được khởi? Phải đoạn Kiến hoặc mới khởi định này. Dị sinh không thể chiết phục diệt tâm tâm sở chỗ đoạn của Hữu đẳng kiến đạo. Địa thứ tám Kiến hoặc ở dưới đều có thể chiết phục, tại sao chỉ có Phi tưởng? Đây là căn cứ theo theo chỗ tối hậu cần phải phục đoạn mà nói, tùy theo sở y đoạn đạo cứu cánh xứ của định này mà nói, không phải nói rằng Dị sinh Địa

dưới có thể chiết phục, vì định này vi diệu. Vi diệu là nghĩa thù thắng, phải chứng hai Không tùy ứng với chỗ dẫn của Hậu đắc trí mà phát, nói rằng Nhị thừa nhập chỉ chứng Nhân không, sau khi đắc thì dẫn nhập Bồ-tát và Phật, hai Không Hậu đắc trí thì đều được dẫn nhập. Hiện tại Luận này hiển kia nhập Hậu đắc trí mỗi mỗi đều riêng khác. Nói tùy ứng Hậu đắc trí chỗ dẫn phát, cho nên có nói pháp không thì chắc không có du quán có thể nhập định này. Không đúng. Đây là chánh văn. Từ trên đến đây thuyết minh Kiến hoặc đã xong. Tiếp theo sau đây thuyết minh Tu hoặc.

Luận: “Có nghĩa tám Địa dưới”, đến “đều được khởi sau”.

Thuật rằng: Dưới đây thuyết minh Tu hoặc có hai phần:

1. Thuyết minh Nhị thừa.
2. Thuyết minh Bồ-tát.

Trong Nhị thừa có hai phần:

1. Dị thuyết.
2. Hỏi đáp.

Đây là sư đầu tiên nói. Chỉ trừ Tu hoặc của Phi tướng và tám Địa dưới, phải hoàn toàn đoạn cõi Dục. Ngoài ra tám Địa trên hoặc phục hoặc đoạn mới khởi định này. Cõi Dục cần phải đoạn, phiền não chủng của cõi dưới có hai tánh Bất thiện và Vô ký. Nói phồn tạp, có nghĩa là phiền phức và tạp loạn. Pháp này đều là định chướng và chướng định cưỡng ép. Phiền não của cõi trên chỉ có một tánh không nhiều, cho nên có thể chiết phục được. Phi tướng xứ của nó đoạn và bất đoạn đều là cực thành, cho nên bảy Địa dưới là bất định. Lại nữa, pháp nào là Bất đoạn sáu phẩm? Hai quả ban đầu là nhân đắc. Nhiếp Luận của Thế Thân quyển 3 ghi: “Chỉ nói Bất hoàn có năm hạng người được, tức là Tứ thiền Vô sắc của tám Địa trên đều được khởi sau sơ tu của cõi Dục”. Cho nên quyển 53 cũng ghi: “Hữu học nhập là Bất hoàn, Vô học nhập là câu phần giải thoát”, cho nên hai quả đầu không được nhập. Nếu như thế thì Luận Đối Pháp quyển 9 câu thứ hai trong bốn câu nói: “Bậc Thánh đã đắc Tĩnh lực thứ tư, không cầu sinh Vô sắc, có thể nhập định này”.

Hỏi: Không nói đã đắc Sơ định thì thông như thế nào?

Đáp: Luận kia không nói chỉ nương đắc định thứ tư, lại cũng không ngăn trách ba định dưới chưa đoạn bất đắc, cho nên đâu có hại gì?

Luận: “Có nghĩa phải đoạn”, đến “đều được khởi sau”.

Thuật rằng: Đây là sư thứ hai nói. Ba định của cõi dưới, và cõi Dục bốn Địa hoặc, chủng tử phải đoạn cho hết, còn lại năm Địa của cõi

trên, hoặc phục hoặc đoạn mới có thể nhập định này, định chướng trong ba định dưới, khổ và lạc biến dị thọ đồng thời với hoặc chủng, chướng định cưỡng ép, như Bất động vô vi không nương vào Địa dưới mà lập, nói là sơ khởi chỉ có cõi Dục, khởi sau trừ ra ba định thông với năm Địa trên đều được, tức là lấy bốn câu của Luận Đối Pháp quyển 10 làm chứng. Trong đây sư thứ hai là thù thắng, vì văn chánh làm chứng, cũng có lý. Có người muốn thuyết minh hai quả đầu chiết phục được định này là không đúng, vì Luận không nói, vì sao thô định chướng còn chưa đoạn tận thì làm sao có thể nhập? Cũng nên đối với nó kiến lập thân chứng, vì chứng chín định. Như Luận Đối Pháp quyển 2 sao, giải thích vấn nạn huân tập Thiền.

Luận: “Nếu chiết phục các hoặc dưới”, đến “tức là đoạn lỗi cõi dưới”.

Thuật rằng: Đây là phần thứ hai vấn đáp phân riêng.

Tát-bà-đa hỏi hai sư trước: Nếu chiết phục hoặc, tùy ứng Địa nào mà sau đắc định này?

Đáp: Khi sắp mạng chung, không lấy Vô lậu đạo để đoạn chủng tử của nó, mà lại không thoái chuyển khởi phiền não của nó thì đang khi mạng chung thì sinh Phi tướng thượng Địa, tức là đoạn tùy ứng chỗ chiết phục chủng tử Hoặc.

Luận: “Đoạn cũng không có lỗi”, đến “câu sinh hoặc”.

Thuật rằng: Luận chủ ban đầu lấy lý ức chế dị nghĩa của hoành sinh, tức là đoạn cũng không có lỗi. Như những gì? Như sinh hai cõi trên, tức là đoạn Hoặc trong Hoặc thứ bảy của cõi dưới, vì phải tâm kim cương mới có thể đoạn. Chánh nghĩa sau giải thích.

Luận: “Nhưng Bất hoàn”, đến “tức là đoạn lỗi cõi dưới”.

Thuật rằng: Đây là quả thứ ba, đối trị đạo cưỡng ép, vì cõi Dục trị đạo đều là viên mãn. Không phải hai quả đầu, chánh nhuận sinh vị, không khởi hiện hành phiền não nhuận sinh. Đây là quả thứ ba chỉ do Hoặc chủng nhuận sinh cõi trên. Ý này tức là chỗ đã chiết phục chủng tử tuy thoái chuyển và Bất thoái chuyển, nhưng chắc chắn chỉ có lấy tùy miên nhuận sinh, mà không có nghĩa chiết phục cõi dưới nhuận sinh cõi trên, tức là tuy đã chiết phục nhưng cũng còn có chủng tử, vì chưa có chỗ đoạn của Vô lậu đạo thọ sinh. Quyển 59 ghi: “Lấy tùy miên nhuận sinh gọi là kiến đế”. Đại Luận quyển 1 và Luận Đối Pháp quyển 5 ghi: “Hai quả đầu cũng lấy hiện hành nhuận sinh, chỉ có Bất hoàn là lấy chủng tử nhuận sinh”. Hiền Dượng quyển 59 ghi: “Kiến đế chỉ có quả thứ ba”. Nếu như thế thì Dị sinh đáng lẽ chỉ có chủng tử nhuận sinh. Như

Luận Đối Pháp quyển 3 sao nói. Nhưng Dị sinh hiện hành nhuận sinh, sáu hành không chiết phục được ái hiện có. Đã được sinh bậc Thánh cõi trên là chủng tử nhuận sinh. Tuy có chủng tử của nó đáng sinh cõi trên, vì Dị sinh nhuận sinh dựa vào bạn. Tuy có ái, nhưng không có Hoặc khác làm bạn được sinh cõi trên. Thánh nhuận sinh không dựa vào bạn, có chủng tử không sinh lên, vì thiện nghiệp của bậc Thánh chắc chắn đã quyết định, cho nên chỉ có chủng tử sinh. Dị sinh thì không như thế, cho nên thông với hiện tại nhuận sinh, nếu không như thế thì Thánh chủng đáng lẽ cưỡng ép Dị sinh. Nhưng Bất hoàn như xứ Bất hoàn, trong một Địa có ba Thiên xứ. Xứ dưới chết rồi sinh lên xứ trên, cũng lấy hiện hành làm nhuận sinh. Nhưng đáng lẽ bốn câu phân riêng, có ở tại cõi trên đoạn Hoặc cõi dưới. Như Nhị thừa cõi trên đắc Vô học, đoạn Hoặc thứ bảy của cõi dưới. Địa dưới đắc Sơ quả đoạn Kiến hoặc của cõi trên, hai câu còn lại có thể biết. Nhưng Bất động vô vi và Tưởng thọ diệt vô vi nương vào đoạn thọ mà kiến lập. Trạch diệt một phần nếu chiết phục tám Địa hoặc năm Địa của cõi dưới mà đắc định này, tức là không đắc hai Vô vi, vì không phải Trạch diệt. Trước đến đây đã nói Nhị thừa định tánh, Học và Vô học đã xong.

Luận: “Hoặc các hàng Bồ-tát”, đến “có thể khởi định này”.

Thuật rằng: Dưới đây đoạn văn thứ hai thuyết minh Bồ-tát Tu hoặc. Nhờ vào đâu mà Nhị thừa trước đã đắc định này? Sau khi hồi tâm thì liền đắc định. Không phải ngoài thân chứng tuệ giải thoát, tức là tất cả Địa trong ba đại kiếp có thể nhập định này.

Luận: “Nếu không như thế”, đến “Diệt tận định”.

Thuật rằng: Hoặc nghĩa đốn ngộ Bồ-tát tức là bất định, hoặc có một loại bảy Địa cứu cánh mãn tâm, mới có thể chiết phục tất cả phiền não của sáu thức trong ba cõi, đã hết rồi thì có thể nhập. Trước nhập trụ tâm cũng còn chưa được, tuy chưa vĩnh viễn đoạn Tu hoặc của cõi Dục, mà nếu như đã đoạn rồi thì có thể khởi định này, tức là Nhiếp Luận ghi: “Trong Hậu đắc trí của Bồ-tát khởi phiền não thì không thành lỗi”. Như người đã đoạn rồi thì nói: “Đã nhập Viễn địa Bồ-tát mới khởi định này”. Quyển 62 ghi: “Viễn địa là Viễn hành địa thứ bảy”.

Luận: “Có từ Sơ địa”, đến “Diệt tận định”.

Thuật rằng: Lại có người đốn ngộ quyết định tánh, có từ Sơ địa tức là có thể chiết phục tất cả phiền não, như quyển 3 trước đã nói. Dẫn tức là Luận Đối Pháp quyển 14 ghi: “Trong Thập địa của Bồ-tát này đều có thể khởi định này”. Quyển thứ 7 trong Nhập Lăng-già bộ mười quyển, phẩm Nhập Đạo và kinh Thập Địa quyển 8, trong Địa thứ chín

ghi: “Trong sáu Địa trước cũng có thể nhập định này”, tức là Thập địa Bồ-tát có khởi phiền não, là bi tăng thượng; không có khởi phiền não, là trí tăng thượng.

Lại nữa, giải thích hoặc tuy là bi và trí, nhưng mà chỗ ưa thích hành thì không đồng, một là kinh sợ cho nên chiết phục Hoặc, e rằng làm thành lỗi. Hai không kinh sợ cho nên khởi lợi sinh, hoặc phục hoặc bất phục có sự sai biệt này. Như Địa tiền hồi tâm thì nhập Đại thừa vị. Có người trước đã đắc định này, có người chưa đắc, có bậc Thánh, có phàm phu, người đã thành Phật, vì trước kia đã thành tựu. Đến khi thành Phật, do vô tử trước kia thành tựu chủng tử Diệt định, hiện tại mới thành Phật thì liền gọi là đắc, vì thành tựu viên mãn, cho nên tùy theo ba Thừa phân riêng của hai sự, phỏng theo căn tánh của Địa, hoặc chín phẩm định và bất định, số người đắc định như lý mà suy. Lại nữa, Du-già quyển 12 ghi: “Nhập tướng”. Luận Thành Nghiệp ghi: “Có hai nhân duyên có thể nhập Diệt định”. Nói rằng dẫn như trước. Lăng-già quyển 7 ghi: “Nói rằng cộng Thanh văn trong sáu Địa trước duyên Hữu vi Hạnh”, đến nói rộng có thể nhập định này. Trong bảy Địa có thể niệm niệm nhập định này, có thể lia các pháp hữu tướng và vô tướng. Luận Du-già quyển 48 đồng với Lăng-già nói.

Luận Đối Pháp quyển 13 cũng ghi: “Vô tướng hạnh Bồ-tát là Bồ-tát trụ Viên hành địa, có thể khiến cho các tướng không hiện hành”. Hiện tại căn cứ theo văn của các kinh Luận này, hoặc quyết định tánh quyết định đã đắc, Luận thông với vị thứ tức là Thập địa đều đắc. Như Lăng-già ghi: “Sơ địa có thể nhập định này, cùng chung Thanh văn duyên Hữu vi hạnh, tức là Đại Luận và Luận Thành Nghiệp nương vào Phi tướng tướng mà nhập định này. Nhưng chỉ có tâm chán Phi tướng xứ, có thể niệm niệm nhập định này. Hành vô tướng hạnh duyên vô tướng giới mà nhập định này, không chung cùng sáu Địa trước. Hành tướng của Thanh văn, tức là Đại Luận quyển 62, căn cứ theo niệm niệm có thể nhập duyên Vô tướng Niết-bàn tướng. Bất cộng Thanh văn tức là nói viên hành Địa mới có thể nhập định này. Lăng-già căn cứ theo định đắc, tức là Thập địa đều đắc, không có lỗi tương vi. Tuy Luận Du-già quyển 80 ghi: “Nhập Vô dư y, duyên vô tướng giới mà nhập Diệt định này” Tướng phần ở đây cũng là Hữu vi tướng. Tợ vô tướng giới không phải chân đắc định đó, mặc tình tùy ý khởi không có trái nghịch”.

Cho nên Đại Luận quyển 12 ghi: “Hỏi: Nhập định này không phân biệt ngã đang nhập, cho đến nói rộng. Đã không có tác ý thì làm sao có thể nhập xuất định này? Đáp: Trước hết đối với tâm khéo tu, cho đến có

thể mặc tình tùy ý nhập xuất. Hỏi: Tùy theo sự tự tại và chưa tự tại của nó thì tâm nào đều là xuất? Đáp: Lại nữa, nói khi xuất định, xúc có ba loại xúc: một là bất động xúc, hai là vô sở hữu xúc, ba là vô tướng xúc. Duyên cũng có ba loại cảnh: một là hữu cảnh, hai là cảnh cảnh, ba là diệt cảnh”, như Xu Yếu giải thích.

Đây là hai định của vô tâm hiển số diệt tâm sở nhiều hay ít, chỉ có hai mươi hai pháp, một là tâm vương.

Hỏi: Không phải tâm Hữu lậu và năm biệt cảnh cùng khởi, tại sao chỉ có hai mươi hai pháp?

Đáp: Hữu lậu ở đây không đồng thời với hành tướng riêng, Vô lậu có thể như thế.

Hỏi: Một đã từng đắc và chưa từng đắc, Phật thì lúc nào đắc?

Đáp: Nói rằng ngoài phân biệt ra như Đối Pháp sao, tức là Lăng-già quyển 8, Đại Luận quyển 12, quyển 53, quyển 56, quyển 62, quyển 80, Luận Đối Pháp quyển 2, quyển 5, quyển 10, quyển 13, Luận Hiển Dương quyển 1, Thập Địa quyển 8, Luận Ngũ Uẩn, Luận Thành Nghiệp, xuất định do kỳ hẹn trước, chung làm chứng này.

Từ đây xuống phần thứ ba giải thích thiên về thù miên và muộn tuyệt.

Luận: “Vô tâm thù miên”, đến “đều không hiện hành”.

Thuật rằng: Nói rằng có cực trọng thù miên và cực trọng muộn tuyệt. Thù là tâm sở, hiện tại không có niệm tâm sở này thì không hành cho nên gọi là cực trọng thù, có các duyên mệt nhọc khiến cho thù được có khi hữu tâm thì gọi là thù miên. Đây là khiến cho vô tâm cho nên gọi là cực trọng thù. Đại Luận quyển 1 ghi: “Muộn tuyệt là ý bất cộng nghiệp, tức là do khi muộn thì chỉ có Ý thức, không phải muộn tức là pháp tâm sở, vì xúc với Mạt-na thì có muộn tuyệt sinh, muộn tức là xúc xứ muộn. Nhưng do xúc xứ này dẫn phần vị của thân, hoặc chỉ có ý gọi là ý bất cộng nghiệp, hoặc dẫn vô tâm tức là trong đây cực trọng muộn nhiếp. Vì lựa riêng với hữu tâm cho nên gọi là cực trọng muộn.

Hỏi: Tại sao không có riêng muộn tâm sở?

Đáp: Nếu không có duyên phong nhiệt mà khởi muộn tuyệt thì có thể là tâm sở, đã do các duyên phong nhiệt dẫn phần vị của thân, cho nên không có muộn pháp tâm sở vậy. Không giống như thù miên tâm sở có thể dẫn sinh phần vị, không thể làm ví dụ được.

Luận: “Các duyên bì cực”, đến “gọi là cực trọng thù miên”.

Thuật rằng: Luận Đối Pháp quyển 1 ghi: “Gây yếu, mệt nhọc, thân phần trầm trọng, tư duy ám tướng, xả bỏ các chỗ tạo tác, quem

tập thù miên, hoặc chỗ dẫn của chú thuật, thần lực, động quạt, gió lớn thổi... cho nên khởi”. Luận Hiển Dương và Luận Ngũ Uẩn mỗi mỗi đều nói có nhân duyên. Đây là như Luận Hiển Dương quyển 1, cho nên lấy bì cực làm đầu để nắm lấy pháp còn lại. Vì sáu thức đồng thời không hành cho nên gọi là cực trọng, chỗ dẫn phân vị của thân. Nói rằng khi thù miên vô tâm, tức là tướng bất tự tại, tướng trầm trọng và tướng vô tâm, các vị khác cũng như thế, gọi là thân phần vị.

Hỏi: Đây đã là miên mà vô tâm, tại sao gọi là miên?

Đáp: Nhưng trong đó cùng với Vô tâm địa của Đại Luận nói là miên.

Luận: “Khi thù miên này”, đến “cho nên mượn nói tên đó”.

Thuật rằng: Ở đây có hai giải thích: một là do, hai là tự. Miên này tuy không có thể của tâm sở miên kia, mà do gia hạnh miên của nó dẫn, hoặc trầm trọng không tự tại, tương tự có miên tâm sở kia. Vì hai nghĩa cho nên mượn nói phần vị vô tâm của thân, gọi là miên, thật ra không phải miên.

Luận: “Các duyên phong nhiệt..”, đến “gọi là cực trọng muộn tuyệt”.

Thuật rằng: Đại Luận quyển 1 ghi: “Do chỗ dẫn của gió, nóng, mát, thần lực chú thuật của người khác viết quá lượng mà ra máu”, cho nên nói “vân vân”. Nhưng ở đây không có riêng pháp tâm sở, không thể nói do kia và tự kia. Đây tức là muộn tuyệt.

Luận: “Hoặc đây đều là xúc xứ phần ít”.

Thuật rằng: Nhưng muộn có khi có thân giác và bất giác, là khi có tâm do muộn và xúc, khi dẫn sinh vô tâm là phần vị của thân, tức là quả thể của muộn và xúc cũng là muộn nhiếp, là phần ít của xúc xứ. Hoặc khi có tâm thì các duyên bì cực dẫn miên đấy khởi. Khi vô tâm là phần vị miên của tâm, tức là quả của xúc xứ mệt mỏi cho nên thể cũng mệt mỏi, tự miên vị cho nên gọi là miên. Lại nữa, đến vô tâm vị, tuy có muộn và bì hai xúc, chỉ có cảnh của Thức thứ tám vi tế không hay biết, cho nên lấy làm thể, tức là tổng quát cả hai nói là ít phần của xúc xứ. Trước đã giải thích riêng hai thể, tức là lấy phần vị của vô tâm tùy theo chỗ ứng hiện có sắc uẩn làm hai thể này. Giải thích thứ hai lấy ít phần của xúc xứ làm thể, vì do xúc dẫn. Đây là giải thích riêng sáu thức khi khởi và không khởi đã xong. Phần thứ ba là tổng kết.

Luận: “Trừ ra năm vị Ý thức hằng khởi này”.

Thuật rằng: Hai Vô tâm định, Vô tướng thiên, thù miên và muộn tuyệt. Khi trừ năm thứ này ra thì Ý thức thứ sáu hằng khởi, vì duyên

hằng đầy đủ.

Luận: “Khi đang tử sinh”, đến “năm vị bất hành”.

Thuật rằng: Từ trên đến đây là phần thứ hai đáp năm vị đã xong. Từ đây xuống là phần thứ ba liệu giản về năm vị có ba phần:

1. Vấn nạn sinh tử.
2. Giải thích lý do không nói nhập Vô dư vị.
3. Giải thích ai đầy đủ.

Hiện tại phần đầu này hỏi rộng hẹp nhiếp pháp không hết. Sau đó phỏng theo phàm và thánh phân rõ năm vị có không. Trong phần đầu trước hết là hỏi, phần sau là đáp. Tất cả khi đang tử sinh cũng không có Thức thứ sáu, tại sao chỉ nói năm vị không có Thức thứ sáu, đáng lẽ nói bảy vị?

Luận: “Có nghĩa tử sinh, nói cùng với để hiển”.

Thuật rằng: Sư thứ nhất nói, tử sinh nói riêng trong tụng, đã có bảy loại, là hiển trong hai chữ “cập”, chữ “dữ”. Hai chữ “cập” và “dữ” mỗi mỗi đều hiển một.

Luận: “Luận kia nói phi lý”, đến “muộn tuyệt vị”.

Thuật rằng: Sư thứ hai nói không đúng. Vì Đại Luận quyển 13 chỉ nói sáu thời gọi là vô tâm, là năm vị trước và Vô dư y vị của Nhị thừa. Tại sao không đúng? Đáng lẽ nói tám vị gọi là vô tâm, cho nên phải nói hai vị tử sinh, trong năm vị này tức là nhiếp trong muộn tuyệt, vì sinh tử khổ bức cực kỳ muộn tuyệt. Nếu như thế thì tại sao tụng nói hai chữ “cập” và “dữ”?

Luận: “Nói hai chữ “cập” và “dữ” để hiển năm vô tạp”.

Thuật rằng: Tức là một giải thích trái ngược, nghĩa gián cách.

Luận: “Đây là hiển sáu thức”, đến “sáu Vô dư y”.

Thuật rằng: Tuy sáu vị nói là vô tâm, nhập Vô dư y thì trong tụng không nói. Tụng này chỉ nói đoạn, sau đó lại sinh, không nói Thức thứ sáu kia sau khi nhập Vô dư vị, sau đó vĩnh viễn không sinh. Đây là nói sinh. Dưới đây nương vào phàm thánh để phân rõ năm vị.

Luận: “Trong năm vị này”, đến “không có thù và muộn”.

Thuật rằng: Dị sinh thì có đủ bốn vị, như vẫn có thể biết. Thánh thì chỉ có ba vị sau, trừ Vô tướng định và Thiên chỉ có Dị sinh đặc, đây là nói chung. Trong ba vị của bậc Thánh, chư Phật và Bồ-tát Địa thứ tám trở đi, chỉ được có một định và không có hai vị thù miên và muộn tuyệt, vì là ác pháp, vì là thô thiển pháp, hiện tương tự có thù miên, nhưng thật ra thì không có, tức là Nhị thừa Vô học cũng có muộn tuyệt. Trong đây phân riêng ba Thừa học, Vô học và ba cõi đều như lý tư duy.

Ba cõi đều có tử, sinh và muộn tuyệt. Sự sinh tử đều là vô tâm. Nếu không như thế thì sinh tử của nó có năm vô tâm nhiếp không hết.

Luận: “Do đó tám thức”, đến “có nghĩa thức câu chuyển”.

Thuật rằng: Như quyển 51 và quyển 76 nói.

Từ trên đến đây đã giải thích bốn tụng ba năng biến đã xong. Từ đây xuống phần thứ hai tổng phân biệt. Trong đó có ba phần:

1. Thuyết minh câu chuyển.
2. Hỏi đáp phân biệt.
3. Một và khác phân biệt.

Đây là phần đầu. Nhân phân rõ sáu câu chuyển mà nói tám câu chuyển, văn dễ có thể biết.

Luận: “Hoặc một hữu tình”, đến “là một hữu tình”.

Thuật rằng: Từ đây xuống phần thứ hai vấn đáp phân biệt, trong đó có năm vấn đáp về đại ý, hoặc riêng là sáu. Đây là câu hỏi thứ nhất. Tình là thức, đã có nhiều thức thì đáng lẽ là nhiều tình? Đây là vấn nạn của phát trí, Bốn sư Tát-bà-đa.

Phát Trí Luận hỏi: Tại sao hiện tại không có nhiều thức cùng chuyển?

Đáp: Thức là tình, nương vào thức mà lập tình, không thể trong một lúc mà có hai thức cùng khởi.

Vấn của Luận này là nghĩa của căn bản phát trí Tát-bà-đa, Luận chủ chất vấn.

Luận: “Nếu lập hữu tình”, đến “đáng lẽ không phải hữu tình”.

Thuật rằng: Ông lập hữu tình nương vào thức nhiều ít, nhập các vị Vô tâm định thì đáng lẽ không phải hữu tình, vì không có thức.

Luận: “Lại nữa, tha phần tâm”, đến “tự phần hữu tình”.

Thuật rằng: Tức là vấn nạn người ngoài rằng: như hữu tình cõi Dục, hoặc trên tha giới phần, vị hiện tiền tâm tha vô lậu phần thì làm sao có thể nói hữu tình cõi Dục tự phần, cho đến cõi Vô sắc cũng như thế? Đã chất vấn hai câu, hiện tại làm chánh lưu thông.

Luận: “Nhưng lập hữu tình”, đến “chỉ có một”.

Thuật rằng: Nương vào niệm của mạng căn, là nghĩa của sư Thuận Chánh Lý. Tình là thức, mạng căn có thể có thức, gọi là hữu tình. Nếu khi không có tâm thì mạng căn cũng còn tồn tại năng hữu trước thức hoặc sau thức. Điều thì không đúng. Vì năng hữu hiện tại là tình thứ tám, như quyển 1 trước đã giải thích. Đây là cùng chỗ thừa nhận của Tiểu thừa mà làm Luận; hoặc có nghĩa của Dị thực Thức thứ tám, đây là không chung cùng chỗ thừa nhận. Trước quyển 3 ghi: “Chỉ nương vào

Thức thứ tám mà lập hữu tình”. Ban đầu là chủng tử giả lập, sau là hiện hành thật pháp, nương vào hai pháp nhiều ít mà lập làm hữu tình, đều không trái lý. Vì tất cả thời là chỉ có một thời. Tiếp theo phần thứ hai người ngoài vấn nạn.

Luận: “Một thân chỉ có một”, đến “có nhiều thức chuyển”.

Thuật rằng: Một thân của hữu tình là một Vô gián duyên thì làm sao đồng thời có nhiều thức chuyển? Nếu không như thế thì một niệm có nhiều Vô gián duyên.

Luận: “Đã thừa nhận một này”, đến “có thể dẫn nhiều tâm”.

Thuật rằng: Dưới đây là đáp có hai phần, phần đầu chất vấn, phần sau giải thích.

Luận chủ vấn nạn rằng: Như ông lại thừa nhận một nhãn thức làm duyên, có thể dẫn chỗ quả sinh nhiều tâm thì lẽ nào không thừa nhận một thức này làm duyên? Dẫn nhiều loại khác nhau sau tâm đồng thời khởi, không phải một trong Đại thừa dẫn thành nhiều thức làm Vô gián duyên, như trước quyển 5 đã nói. Hiện tại lại nói, hoặc đây là nghĩa của sáu thức trước mong nhau làm duyên. Sau đây là chánh nghĩa giải thích.

Luận: “Lại nữa, ai định nói”, đến “thừa nhận duyên này là nhiều”.

Thuật rằng: Giải thích dưới đây có năm phần, như văn có thể hiểu. Ta không định nói Vô gián duyên này chỉ có một thức hiện tượng tục sinh, vì ta thừa nhận nhiều thức đồng thời, thừa nhận trong hiện tại duyên này có nhiều, tự mỗi mỗi duyên đều mong nhiều duyên, có nghĩa có thể dẫn khởi nhiều thức và quả.

Luận: “Lại nữa, dục một thời”, đến “không xứng lý”.

Thuật rằng: Đây là vấn nạn ngược lại kia để hiển tướng nhiều thức câu chuyển, là quyển 51, tối sơ sinh khởi chứng trong tám chứng. Lượng rằng: “Các duyên đầy đủ khi nhãn thức khởi, các duyên khác đầy đủ thì các nhĩ... thức khác cũng đáng lẽ hiện khởi, vì các duyên đầy đủ, như hiện khởi nhãn thức”. Đây là hiển sáu thức nhiều cảnh hiện tiền lẽ nào mà không nắm lấy nhanh các căn và cảnh... nắm lấy không và minh. Đây là lực hòa hợp đồng với thế lực lớn, sáu thức duyên và hợp tương tự, ông chỉ nói thức sinh trước hoặc sinh sau là không xứng lý.

Luận: “Lại nữa, tánh của tâm sở”, đến “dị loại mà câu khởi”.

Thuật rằng: Nêu tâm sở ra để làm ví dụ cho tâm vương, gọi chung là tâm sở, tuy không có sai biệt tức là đồng loại với tâm sở. Thể công năng thọ và tướng của nó có loại khác nhau, tức là cộng thừa nhận nhiều

tâm sở được một niệm câu sinh. Ông lẽ nào không thừa nhận tâm vương nhãn thức, nhĩ thức... của tôi là một niệm dị loại cùng khởi.

Luận: “Lại nữa, như sóng to và ảnh tượng”, đến “nhiều thức cùng chuyển”.

Thuật rằng: Lấy cảnh bên ngoài để ví dụ cho thức. Như nhiều sóng to và ảnh tượng, hai thứ này lấy một biển lớn và một tấm gương làm chỗ nương, khởi nhiều sóng to và nhiều ảnh tượng, cho nên nương vào một tâm bản thức mà có nhiều thức cùng khởi. Đây là gồm quyển 11, quyển 76 và văn của Giải Thâm Mật, nhưng đã có văn này và nghiệp dụng trong tám Chứng này làm chứng. Trong một niệm có bốn nghiệp, nhưng hiện nay có người nói rằng tám thức không khác, như sóng và ảnh tượng. Hiện tại Luận này nói không đúng. Luận kia nương vào ít phần tướng y đạo lý làm dụ, chưa hết lý.

Luận: “Lại nữa, nếu không thừa nhận”, đến “duyên diệt lâu”.

Thuật rằng: Lại vấn nạn người ngoài rằng: Nếu không thừa nhận ý cùng với năm thức đồng thời thì Ý thức thứ sáu nắm lấy cảnh sở duyên của năm thức kia đáng lẽ không rõ ràng. Luận kia kế chấp sau năm thức mới sinh Ý thức. Nay nói rằng vì duyên quá khứ, như tán ý thức duyên sự lâu diệt. Đây là lựa riêng với túc mạng trí không phải là tán ý thức. Vì duyên lâu diệt cho nên kia là rõ ràng, thành lỗi bất định. Đây là thiếu hữu pháp, ngoài ra đều đầy đủ, tức là trong tám thức, Thức thứ ba là minh liễu.

Luận: “Thế nào là năm câu?”, đến “năm lấy một hoặc nhiều”.

Thuật rằng: Phần thứ ba vấn đáp. Người ngoài lại hỏi: Năm câu ý chỉ có một, tại sao năm lấy nhiều cảnh của sắc? Đây là người ngoài hỏi. Không thừa nhận một niệm ý thức cùng với năm thức câu sinh, là nắm lấy năm cảnh phân minh. Không phải họ không thừa nhận một tâm nắm lấy nhiều cảnh. Lại nữa, trừ các thức đồng thời của Đại chúng bộ ra, các thức khác thì không thừa nhận cùng sinh. Nói một niệm ý thức sau năm thức thì không được tất cả thời duyên năm cảnh phân minh, độc đầu là được. Tuy đặt vấn nạn này khiến cho năm câu ý thức của Đại thừa duyên năm cảnh, ý cũng không rõ ràng.

Luận: “Như nhãn... các thức”, đến “vô số tướng”.

Thuật rằng: Luận chủ ví dụ: như nhãn... các thức, mỗi mỗi đều đối với sắc mà nắm lấy một, hoặc hai mươi thứ, đã không có lỗi, ý này cũng như thế. Hiểu rõ tất cả pháp đều là tác dụng của nó, vì Tướng phần và Kiến phần của các thức mỗi mỗi đều có chủng chủng tướng. Kiến có phân minh nhiều dụng, cảnh Hữu vi làm tướng tác dụng chỗ nắm lấy

của nhiều thức.

Luận: “Tại sao các thức đồng loại mà không đồng thời?”

Thuật rằng: Phần thứ tư vấn đáp. Người ngoài hỏi: Tại sao trong các thức lấy tự đồng loại thức của nhãn thức không cùng khởi? Vấn nạn này có nghĩa là khiến cho một niệm mà có hai nhãn... các thức, vì thừa nhận tám thức đồng thời khởi.

Luận: “Đối với tự sở duyên”, đến “ngoài ra đều vô dụng”.

Thuật rằng: Luận chủ đáp: Như nhãn thức... đối với sắc tự sở duyên, một đã là năng liễu, nhãn thức khác lại sinh nữa thì liền thành vô dụng, cho nên không sinh.

Luận: “Nếu như thế thì năm thức”, đến “Ý thức hiểu rõ mà làm”.

Thuật rằng: Đây là lấy nghĩa trước đặt câu hỏi mà lại không khai mở riêng. Người ngoài hỏi: nếu như thế thì năm thức minh liễu thì dụng nào cùng với ý làm?

Luận: “Năm câu ý thức”, đến “sở duyên của năm thức”.

Thuật rằng: Đây là Luận chủ đáp: năm thức cùng với Ý trợ năm thức khiến cho khởi, vì do ý dẫn mà năm thức mới được sinh, không phải chuyên hiểu rõ năm sở duyên cho nên cùng với năm thức đồng duyên hoặc không đồng duyên thì không thể dẫn sinh ba tánh trong nhãn... các thức.

Luận: “Lại nữa, đối với sở duyên kia”, đến “cho nên không vô dụng”.

Thuật rằng: Đây là giải thích thứ hai. Lại nữa, Ý thức đối với sắc có thể nắm lấy rõ ràng, tức là tuy hiện lượng khác với nhãn... các thức. Luận kia không thể phân biệt rõ ràng để nắm lấy sâu tướng của các cảnh, cho nên ý trợ năm thức không phải vô dụng. Đã như thế tức là năm thức không phân minh nắm bắt cho nên mượn Ý để phân minh nắm bắt.

Hỏi: Tại sao không có hai nhãn thức cùng nắm bắt cho rõ?

Đáp: Không đúng. Trong đây nói Ý khởi có hai nghĩa:

1. Minh liễu.
2. Trợ năm thức.

Giả sử ý có minh liễu, như định tâm nắm bắt không thể dẫn sinh năm thức, không thể làm ví dụ. Vì Ý thức có thể phân minh nắm bắt lại trợ giúp cho năm thức sinh.

Luận: “Do đây Thánh giáo”, đến “năm thức không như thế”.

Thuật rằng: Đây là tổng kết, ý và năm thức khác nhau. Giải Thâm

Mật ghi: “Thức thứ sáu làm một Ý thức đồng thời phân riêng của nhãn... năm thức”. Không nói năm thức làm phân riêng, tuy cùng với tác dụng của hiện lượng có khác.

Luận: “Nhiều thức câu chuyển thì thế nào là Bất tương ứng?”

Thuật rằng: Phần thứ năm người ngoài hỏi, tiếp theo Luận chủ đáp.

Luận: “Vì không phải đồng cảnh”, đến “không tương ứng lẫn nhau”.

Thuật rằng: Nói rằng Thức thứ sáu, Thức thứ bảy và Thức thứ tám có cảnh rộng hẹp không đồng. Giả sử ít phần đồng thì căn, thể và số sở y kia đây của nhãn thức khác nhau, nghĩa là năm thức nương bốn pháp, Ý thức nương ba pháp. Như phần thứ tư trước đã nói. Tuy lại tương ứng do bốn nghĩa, hiện tại lấy một nghĩa để lựa riêng tất cả. Nói rằng căn, thể và số sở y khác nhau, là sở y căn này có hai thức khác nhau:

1. Thể khác nhau, vì căn và thể của nhãn... các thức mỗi mỗi đều riêng.

2. Số khác nhau, vì số bốn hoặc số ba đều nương riêng.

Như thức nương nhãn... năm căn, nương thể, mỗi mỗi đều khác nhau không tương ứng. Không cùng thừa nhận không tương ứng làm ví dụ. Đây là phần thứ hai riêng hỏi và đáp đã xong. Phần thứ ba tổng giải thích một và khác của năng biến.

Luận: “Tự tánh của tám thức”, đến “tương đều khác nhau”.

Thuật rằng: Giải thích ba nghĩa này không thể nhất định một hành tướng.

1. Sở y của Kiến phần là căn, duyên là sở duyên, một chữ “sở” thông với hai xứ. Tương ứng với dị, tức là nhiều ít khác nhau. Như nhãn thức lấy sắc làm hành tướng, cho đến Thức thứ tám biến sắc làm hành tướng, nói rộng như quyển 2 trước.

2. Lại nữa, nếu một thức diệt, bảy thức còn lại không cần phải diệt.

3. Lại nữa, Thức thứ bảy là năng huân, Thức thứ tám là sở huân, như Lăng-già quyển 7 có câu nói này. Thức thứ bảy là nhân, Thức thứ tám là quả.

Lại nữa, ba tánh, Dị thực sinh và chân Dị thực chủng chủng tương mỗi mỗi đều khác nhau. Thế Thân trong Nhiếp Luận quyển 4 trình bày chỉ có một Ý thức. Hiện tại Luận này không đồng với Luận kia cho nên không thể quyết định là một, tức là các Thánh giáo cũng nói có tám thức.

Luận: “Cũng không phải quyết định khác nhau”, đến “vì không có định tánh”.

Thuật rằng:

1. Nếu tám thức quyết định khác nhau thì bài tụng quyển 10 trong Lăng-già bộ mười quyển ghi: “Tám thức như nước biển lớn và sóng không có tướng sai biệt”. Chỗ dẫn của quyển 51 trước ghi: “Nương vào một biển lớn và gương mà khởi nhiều sóng và ảnh tượng, vì không có sai biệt”.

2. Nếu tám thức quyết định khác nhau thì đáng lẽ không phải nhân quả, vì làm nhân quả lẫn nhau. Pháp nhĩ nhân quả không phải quyết định khác nhau, như hạt mè không sinh mầm đậu.

3. Lại nữa, tất cả pháp như huyền sự, ngọn lửa, cảnh mộng, cho nên biết không có quyết định Định tánh. Đây không phải là một và khác nương vào bốn nghĩa đối thù thắng bốn Thế tục đều được, như lý nên suy nghĩ.

Luận: “Như chỗ nói trước”, đến “tâm và ngôn dứt bật”.

Thuật rằng: Nếu như thế thì từ trước đến nay chỗ nói về tướng của ba năng biến là thế nào? Đây là nương đạo lý Thế tục thứ hai trong bốn tục để nói có tám thứ tùy sự sai biệt, không phải chân thắng nghĩa đế thứ tư trong bốn lớp Chân đế. Trong thắng nghĩa đế thì cùng tận lý của tám thức, tâm phân biệt và ngôn ngữ đều dứt bật, chẳng phải một chẳng phải khác, lìa bốn câu, chỗ mong tâm của tâm trước là một và khác, vì Tục đế thứ hai tương đối với Chân đế thứ hai, thứ ba và thứ tư. Hiện tại lấy Tục đế thứ hai đối với Chân đế thứ tư làm Luận. Nhưng trước đã nói rằng không thể nói một hay khác là thuyết minh lý nhân quả của Chân đế thứ hai đã xong. Nghĩa trong đây hiển tám thức mong nhau như tâm sở trước. Cũng có thể lấy Tục đế thứ hai đối với Chân đế thứ hai, tâm sở và tâm cũng có thể lấy Tục đế thứ hai đối với Chân đế thứ ba và Chân đế thứ tư mà nói. Lý thật ra là tục và chân, Tục thứ nhất không phải chân mà chỉ có thô, Tục thứ hai thì tận cùng chí thật của nó mà có bốn lớp, Tục thứ ba có ba lớp, Tục thứ tư thì có hai lớp, triển chuyển đều có đến dứt ngôn ngữ. Như Biệt chương giải thích.

Luận: “Như Già-tha nói”, đến “tướng và sở tướng không có”.

Thuật rằng: Tức là bài tụng quyển 10 trong Lăng-già bộ mười quyển. Tâm, ý và thức thì lấy lý, tục đế thì tùy sự sai tướng riêng, có thể nói có khác. Phỏng theo thắng nghĩa và thắng nghĩa chân thì tướng không có khác. Thắng nghĩa thứ tư lý là sự nói nghĩ đối bậy, hiện tại ngăn trách có khác nhưng thuyết thì không có khác. Đã nói rằng ly ngôn

thì tại sao lại có khác và không khác? Vì năng tướng của thức tự tánh không có. Năng tướng không có cho nên sở tướng cũng không có. Hai tánh năng và sở là nương vào thức mà lập, cầu bất khả đắc. Trên thức cái nào là năng tướng và cái nào là sở tướng? Nói rằng dụng làm năng tướng, thể làm sở tướng. Nếu trong sự tục đế có dụng và thể này trong chân thắng nghĩa lý, tức là lìa tâm và ngôn thuyết bất khả thuyết. Hoặc lấy Tục thứ nhất chấp có riêng, đối với bốn Chân đế đều có lý riêng hoặc không có lý riêng. Chân môn thứ nhất như huyền sự, Chân môn thứ hai nhân quả tánh, Chân môn thứ ba Vô ngã, Chân môn thứ tư tâm ngôn đều dứt, đều không có tướng khác. Vì trong bốn Chân đế chấp chỗ chấp thật dụng làm năng tướng, thật thể làm sở tướng vô. Hoặc lấy tám thức của Tục thứ hai sự có riêng khác, đối với Chân thứ ba cũng như thế. Tác dụng năng tướng của Y tha và pháp thể sắc tướng vô của Y tha, hoặc lấy Kiến phần làm năng tướng và Tướng phần làm sở tướng; lấy Thức thứ bảy làm năng tướng và Thức thứ tám làm sở tướng cũng như thế. Tất cả nên tư duy. Vì Thức thứ tám của Tục thứ ba và Thức thứ bảy các đế khác huân tập lẫn nhau làm nhân quả có thể riêng khác. Đối với hai chân cũng như thế, vì Tục thứ tư đối với Chân thứ tư cũng như thế. Suy nhập vào chân môn lý thì đều không có riêng khác. Chân môn chỉ là ngăn trách biệt và vô biệt. Vô biệt cũng là vô biệt và vô bát biệt, tất cả nên tư duy. Không có sở tướng cho nên năng tướng thì thế nào? Năng tướng không có cho nên sở tướng cũng không có, do đó không có tám thức quyết định hay không quyết định riêng khác. Điều này trong Trường hàng chỉ đối với Thắng nghĩa thứ tư mà làm Luận. Trong tụng, lý thông với tụng cũ:

Tâm ý và ý thức,

*Phân biệt nghĩa tướng bên ngoài, Tám tướng vô
phân biệt,*

Chẳng năng kiến để thấy.

Tụng này không có tướng riêng của tục, chỉ nói có tướng Vô sai biệt.

